



**Phu Hung**  
SECURITIES



**2018**  
**Annual Report**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- ❖ **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)
- ❖ **Giấy phép kinh doanh số:**
  - Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.
  - Giấy phép điều chỉnh 18/GPĐC-UBCK ngày 22/06/2016 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính.
  - Giấy phép điều chỉnh vốn điều lệ số 23/GPĐC-UBCK ngày 25/07/2016.
  - Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2017 bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành.
  - Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 11/01/2018 ghi nhận vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng.
  - Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 29/11/2018 cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật.
  - Giấy phép điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 26/12/2018 cập nhật vốn điều lệ 700.000.000.000 đồng.
- ❖ **Vốn điều lệ** 700.000.000.000 đồng
- ❖ **Vốn đầu tư** 745.863.734.566 đồng
- của chủ sở hữu**
- ❖ **Địa chỉ** Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ❖ **Số điện thoại** (84 28) 5413-5479
- ❖ **Số fax** (84 28) 5413-5472
- ❖ **Website** [www.phs.vn](http://www.phs.vn)
- ❖ **Email** [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)
- ❖ **Mã cổ phiếu** PHS

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

- 15/11/2006** Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, với vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng.
- 01/12/2006** Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.
- 14/12/2006** Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- 18/12/2006** Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 29/12/2006** Công ty nhận giấy phép tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.
- 05/09/2008** Công ty nhận giấy phép tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.
- 10/11/2008** Công ty chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 23/01/2009** Chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
- 28/04/2009** Công ty tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng.
- 24/06/2009** Công ty trở thành thành viên chính thức của Sàn UPCOM.
- 12/01/2010** Công ty tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng.
- 31/05/2010** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ niêm yết của CTCP Chứng khoán Phú Hưng trên Sàn Hà Nội.
- 09/06/2010** Cổ phiếu của công ty được giao dịch đầu tiên trên sàn HNX.
- 13/11/2012** Công ty tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng.
- 20/12/2013** Đại hội cổ đông chấp thuận cho PHS hủy niêm yết tự nguyện để tập trung vào kế hoạch phát triển kinh doanh lâu dài.
- 18/03/2014** Công ty trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- 19/11/2015** Công ty nhận được Quyết định chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành.
- 20/01/2016** Công ty nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK có vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng.
- 20/01/2016** PHS trở thành thành viên lưu ký của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, thành viên giao dịch Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 29/06/2016** Công ty chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 25/07/2016** Công ty tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng.
- 23/01/2017** PHS được UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- 15/05/2017** UBCKNN cho phép tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại PHS tối đa 100%.
- 11/01/2018** PHS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPĐC-UBCK ghi nhận số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng.
- 27/04/2018** PHS chính thức được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ.
- 22/08/2018** PHS chính thức đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.
- 29/11/2018** PHS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GPĐC-UBCK ngày 29/11/2018 cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

26/12/2018 PHS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 107/GPĐC-UBCK ngày 26/12/2018 cập nhật số vốn điều lệ 700.000.000.000 đồng.

### CÁC SỰ KIỆN KHÁC

16/12/2016 PHS được UBCKNN tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.

12/2016 PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.

## 2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Môi giới  
chứng khoán



Tư vấn tài chính và  
đầu tư chứng khoán



Lưu ký  
chứng khoán



Tự doanh  
chứng khoán



Bảo lãnh  
phát hành

### MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

#### Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

##### ❖ Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Tầng trệt, CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84 28) 5413 5478 – Fax: (84 28) 5 413 5473

##### ❖ Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84 28) 3820 8068 – Fax: (84 28) 3820 8206

##### ❖ Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84 28) 3813 2401 – Fax: (84 28) 3813 2415

#### Các tỉnh/thành phố khác:

##### ❖ Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84 24) 3 933 4566 – Fax: (84 24) 3933 4820

##### ❖ Chi nhánh Hải Phòng

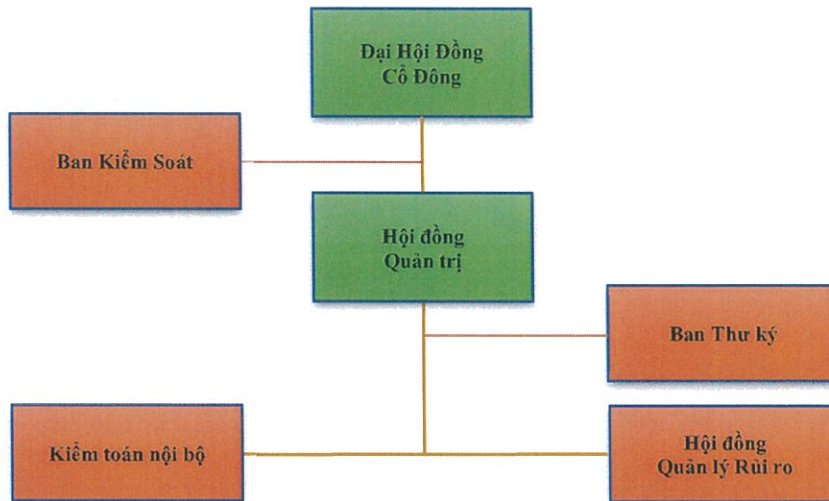
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, Số 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng  
Điện thoại: (84 225) 384 1810 – Fax: (84 225) 384 1801

##### ❖ Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84 24) 6250 9999 – Fax: (84 24) 6250 6666

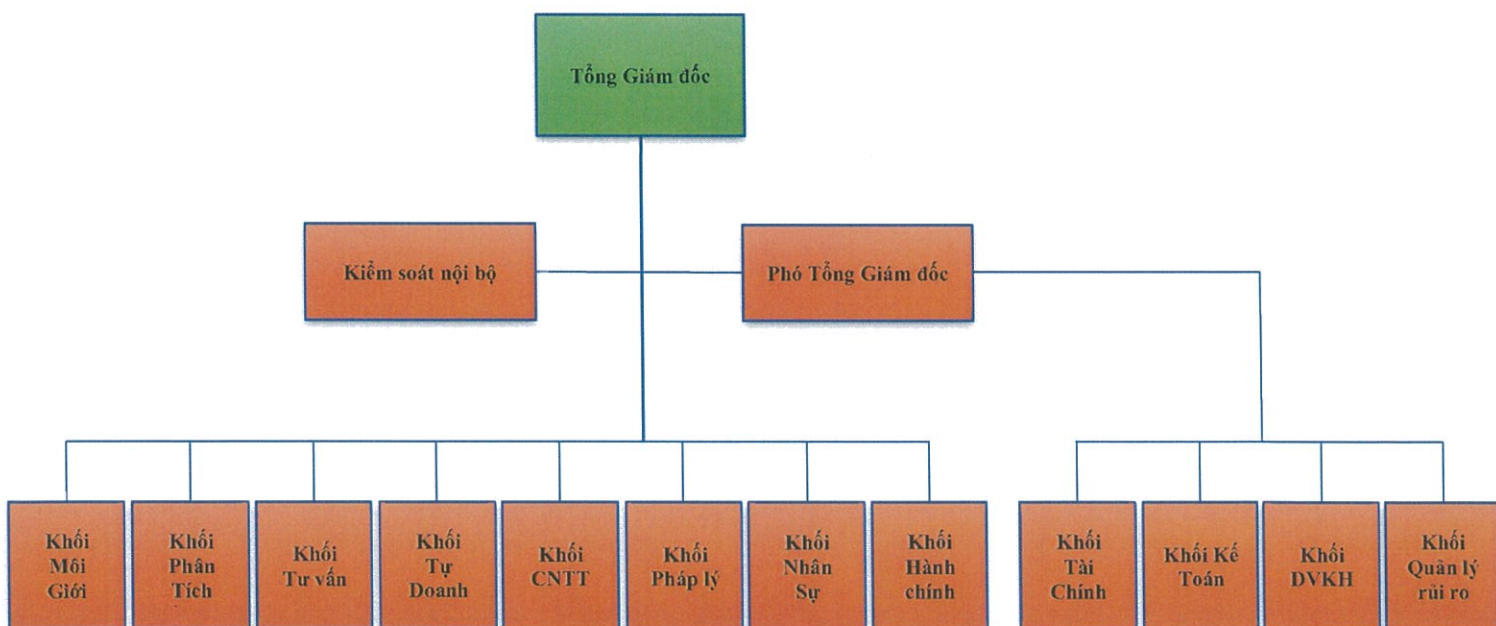
### 3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị để giúp các cổ đông quản lý Công ty. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Hội Đồng Quản Trị quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiểm toán nội bộ và Hội đồng Quản lý rủi ro trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Ban Thư ký Công ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị.

#### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các khối, phòng ban trong Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Tài chính, khối Kế toán, Khối Dịch vụ khách hàng và Khối Quản lý rủi ro. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

Các khối khác bao gồm: khối Môi giới, khối Tư vấn, khối Phân tích, khối Tự doanh, khối Hành chính, khối Nhân sự, khối Công nghệ thông tin và khối Pháp lý.

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

## 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### MỤC TIÊU 2019

Trong năm 2019, PHS sẽ tiếp tục gia tăng thị phần trên toàn thị trường song song với việc tập trung hoàn thiện đồng bộ các sản phẩm về tư vấn đầu tư, sản phẩm ký quỹ và sản phẩm giao dịch trực tuyến. Bên cạnh đó, Công ty sẽ phát triển liên tục các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm của mình, đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm khuyến nghị và tư vấn đầu tư, bên cạnh mở rộng và đa dạng hóa các báo cáo nhận định và phân tích cơ hội thị trường, báo cáo phân tích cổ phiếu, báo cáo phân tích sự luân chuyển dòng tiền và thanh khoản thị trường. Tăng nguồn dư nợ giao dịch ký quỹ và đa dạng hóa các sản phẩm tài chính cung cấp đòn bẩy giao dịch cho khách hàng. Phát triển các công cụ giao dịch hỗ trợ cho việc phát triển sản phẩm mới như phái sinh, chứng quyền.

PHS cũng tiếp tục mở rộng đội ngũ môi giới khách hàng cá nhân có chất lượng, tuyển dụng thêm nhiều môi giới khách hàng tổ chức, mở rộng mạng lưới nhằm thu hút thêm khách hàng mới. PHS sẽ nâng cao số lượng mở tài khoản mới bằng việc thiết lập mục tiêu tăng gấp nhiều lần.

PHS sẽ chuẩn bị để tiến hành triển khai dự án chứng khoán phái sinh, hỗ trợ nhân viên lấy chứng chỉ chuyên môn, hệ thống giao dịch và các điều kiện cần thiết khác để đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia vào thị trường phái sinh Việt Nam

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Đội ngũ nhân viên nghiên cứu mạnh là yếu tố căn bản để giúp cho chúng tôi đạt được mục tiêu trong tương lai. PHS tiếp tục cải thiện đội ngũ nhân viên nghiên cứu của mình và Công ty có kế hoạch lắp đặt thêm công kết nối Bloomberg để cung cấp, phân tích chuyên sâu từ triển vọng ngành đến cập nhật thị trường thời gian thực. Chúng tôi đang hướng tới việc xây dựng một đội ngũ có thể chuyển đổi nghiên cứu thành những đóng góp thực sự trong việc quản lý và tư vấn đầu tư. Trải nghiệm định hướng thị trường gắn kết sẽ cung cấp sự hỗ trợ lớn để tiến đến thị phần mục tiêu.

PHS hiểu được sự phát triển bền vững luôn phụ thuộc vào chất lượng của nhân viên kinh doanh. Năm 2019, PHS sẽ tiếp tục tập trung vào việc gia tăng tuyển dụng nhân viên kinh doanh mới để thu hút khách hàng mới, đồng thời cũng sẽ duy trì lực lượng nhân viên hiện tại. Song song đó, PHS cũng sẽ cập nhật các chính sách hoa hồng mới để khuyến khích những nhân viên tiềm năng và hiệu suất công việc cao.

Tổ chức các cuộc gặp gỡ doanh nghiệp niêm yết theo yêu cầu của các Khách hàng Tổ chức, trong năm 2019, PHS sẽ chủ động triển khai những hoạt động gặp gỡ các doanh nghiệp niêm yết định kỳ hàng tháng theo những ngành nghề nổi bật như Tiêu dùng, Bất động sản, Khai khoáng, Dược, Hàng không, Nông nghiệp, Ngân hàng, v.v... và bên cạnh đó, các cuộc hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho Khách hàng Cá nhân tại các Chi nhánh, Phòng Giao dịch trên toàn quốc cũng sẽ được triển khai trong năm 2019.

## **5. CÁC RỦI RO**

- ❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi
- ❖ **Rủi ro thanh toán** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết
- ❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn
- ❖ **Rủi ro hoạt động** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và qui trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác
- ❖ **Rủi ro pháp lý** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm 2018 đầy sóng gió. Sau quý đầu tiên thăng hoa, khi VN-Index vượt qua đỉnh 1.200 điểm, thị trường đã bước vào giai đoạn điều chỉnh và không có dấu hiệu dừng lại. Đến cuối tháng 12, chỉ số VN-Index đã giảm xuống 892,54 điểm, tương đương 74% so với mức đỉnh và giảm 9,3% so với cuối năm 2017.

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm mạnh không phải vì yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam, mà vì ảnh hưởng từ sự biến động của thị trường thế giới liên quan đến chiến tranh thương mại Mỹ – Trung chuyển sang giai đoạn thứ ba và căng thẳng đã không hạ nhiệt cùng với sự sụt giảm mạnh của thị trường dầu thế giới.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã thực hiện bán ròng trong những tháng cuối năm 2018, nhưng từ đầu đến cuối năm 2018, người nước ngoài đã mua ròng 40.000 tỷ đồng, bao gồm các mã cổ phiếu MSN, VIC và VRE trong 11 tháng đầu năm 2018. Giá trị này đã cao hơn 66% so với năm 2017.

Với những điểm không thuận lợi này, hầu hết các quỹ đầu tư chứng khoán đã có một năm hoạt động không thành công. Từ các quỹ trong nước như VFMVN30 ETF, SSIAM VNX50 ETF, Passion Investment, TVAM ... đến các quỹ nước ngoài có quy mô hàng trăm triệu USD, hoặc thậm chí hàng tỷ USD như Dragon Capital, VinaCapital, Pyn Elite Fund, SARL ETF, FTSE Vietnam ETF, Tundra ... tất cả đều có NAV tăng trưởng âm.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018, PHS đã đạt được doanh thu 174,9 tỷ đồng, cao nhất kể từ khi thành lập Công ty tới nay, lợi nhuận sau thuế đạt 37,4 tỷ đồng. Doanh thu và lợi nhuận tăng lần lượt là 36% và 116% so với năm 2017.

### **CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH**

#### *a) Hoạt động môi giới chứng khoán*

Giá trị giao dịch của công ty đạt hơn 28 nghìn tỷ đồng trong năm 2018 và cao hơn 22% so với năm 2017. Thu nhập từ môi giới đạt 51,45 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2017 và đóng góp 29% tổng doanh thu của Công ty. Với phương thức phù hợp, Công ty đã tiếp cận thành công nhiều khách hàng tiềm năng với nhu cầu vay ký quỹ cao và dẫn đến doanh thu cho vay ký quỹ đạt 108,9 tỷ đồng. Đây là kết quả đáng chú ý vì bước nhảy vọt 46% so với doanh thu cho vay ký quỹ 74,5 tỷ đồng trong năm 2017.

#### *b) Hoạt động giao dịch ký quỹ*

Hoạt động dịch vụ chứng khoán tiếp tục tăng trưởng cho năm 2018, khẳng định được vai trò mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh của PHS. Dịch vụ giao dịch ký quỹ đạt doanh thu 105 tỷ đồng, tăng 47% so với 2017. Dịch vụ ứng trước tiền bán tăng 20%, dịch vụ lưu ký chứng khoán tăng 40% so với 2017.

#### *c) Hoạt động tự doanh*

Với kinh nghiệm đầu tư được tích lũy và quy trình kiểm soát rủi ro chặt chẽ, khối Tự doanh chỉ lỗ một khoảng nhỏ -3,6% trong giai đoạn đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018. Danh mục đầu tư của chúng tôi tương đối nhỏ so với các công ty chứng khoán khác. Vì vậy, tích lũy kinh nghiệm giao dịch được xem là ưu tiên trong quá trình đầu tư. Hiện tại, mục tiêu lâu dài của PHS là tập trung xây dựng một đội ngũ phân tích và đầu tư theo định hướng thị trường. Chúng tôi cho rằng kỹ năng phân tích chuyên sâu và chính xác là chìa khóa quan trọng để đưa nhận định và quyết định đúng đắn trong hoạt động đầu tư chứng khoán.



*d) Hoạt động tư vấn và phân tích*

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên TTCK của Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, Chứng khoán Phú Hưng cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngân và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam.

## **HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH**

Tính đến thời điểm hiện tại, PHS có tổng cộng 6 chi nhánh và phòng giao dịch: 3 ở miền Bắc và 3 ở miền Nam. Điều quan trọng là tất cả các chi nhánh và phòng giao dịch đều có lợi nhuận. Nhìn chung, các chi nhánh và phòng giao dịch đã bắt đầu từng bước khẳng định vị thế của mình và lớn dần về mặt hiệu quả kinh doanh cũng như số lượng và chất lượng nhân sự.

## **2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH**

❖ **Ông Chen Chia Ken**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

❖ **Bà Phạm Thị Thu Nhân**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

❖ **Bà Đỗ Thị Ái Vy**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

### **SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG**

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2018: 213 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 36.600.000.000 Việt Nam đồng (ba mươi sáu tỷ sáu trăm triệu Việt Nam đồng).
- ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 14.300.000 Việt Nam đồng (mười bốn triệu ba trăm ngàn Việt Nam đồng)/ người/ tháng.

PHS thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. PHS sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ**

**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ**

**4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                   | Năm 2017          | Năm 2018          | % tăng giảm |
|----------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản       | 1.152.906.537.252 | 1.512.415.822.665 | 31,2%       |
| Doanh thu                  | 129.392.534.822   | 175.580.248.661   | 35,7%       |
| Thuế và các khoản phải nộp | 1.370.630.535     | 1.279.855.304     | -6,6%       |
| Lợi nhuận trước thuế       | 17.325.788.879    | 37.449.983.130    | 116,2%      |
| Lợi nhuận sau thuế         | 17.325.788.879    | 37.449.983.130    | 116,2%      |

**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**

| Chỉ tiêu                                  | Năm 2017 | Năm 2018 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> |          |          |         |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn:              |          |          |         |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn              | 1,77     | 1,95     |         |
| - Hệ số thanh toán nhanh                  |          |          |         |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho           | 1,77     | 1,95     |         |
| Nợ ngắn hạn                               |          |          |         |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>          |          |          |         |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản                   | 0,56     | 0,51     |         |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                 | 1,27     | 1,03     |         |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>  |          |          |         |
| - Vòng quay hàng tồn kho:                 |          |          |         |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân   |          |          |         |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản              | 0,11     | 0,12     |         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|  |       |       |  |
|--|-------|-------|--|
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>    |       |       |  |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,134 | 0,21  |  |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 0,034 | 0,05  |  |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | 0,015 | 0,025 |  |

**ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG**

| Chỉ tiêu  | Năm 2017           | Năm 2018           | Ghi chú |
|---|--------------------|--------------------|---------|
| <i>1. Quy mô vốn</i>  |                    |                    |         |
| - Vốn điều lệ   | 320.000.000.000    | 700.000.000.000    |         |
| - Tổng tài sản có   | 1.152.906.537.252  | 1.512.415.822.665  |         |
| - Tỷ lệ an toàn vốn   | 567%               | 783%               |         |
| <i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>                        |                    |                    |         |
| - Doanh số huy động tiền gửi                                  |                    |                    |         |
| - Doanh số cho vay  | 15.738.217.140.804 | 17.440.641.278.308 |         |
| - Doanh số thu nợ   | 15.586.865.609.814 | 16.973.690.371.755 |         |
| - Nợ quá hạn  | 24.305.654.536     | 22.416.018.240     |         |
| - Nợ khó đòi  | 3.536.656.255      | 6.051.639.641      |         |
| Hệ số sử dụng vốn   | 2,54               | 3,11               |         |
| - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh               |                    |                    |         |
| - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ                                 | 0,034              | 0,019              |         |
| - Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ                                 | 0,005              | 0,005              |         |
| <i>3. Khả năng thanh khoản</i>                                |                    |                    |         |
| - Khả năng thanh toán ngay<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn    | 1,77               | 1,95               |         |
| - Khả năng thanh toán chung<br>Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả | 1,77               | 1,95               |         |

## **5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

### **CỔ PHẦN**

Tổng số cổ phần đến 31/12/2018 là 70.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 50.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 20.000.000 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

### **CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 5 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 238 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 8 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 235 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 232 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 11 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (tài khoản tự doanh)

### **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Ngày 26/12/2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hùng chào bán riêng lẻ 20.000.000 cổ phiếu.

### **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ**

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu, trong năm 2018 PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

### **CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC**

Năm 2018, PHS không phát hành bất kỳ loại chứng khoán khác nào ngoài đợt phát hành cổ phiếu nêu tại mục 5.

## **6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

### **QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

### **TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG**

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

### **TIÊU THỤ NƯỚC**

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

### **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### **CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG** **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

### **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2018: 213 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 36.600.000.000 Việt Nam đồng (ba mươi sáu tỷ sáu trăm triệu Việt Nam đồng).
- ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 14.300.000 Việt Nam đồng (mười bốn triệu ba trăm ngàn Việt Nam đồng)/ người/ tháng.

### **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- ❖ Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2018: 138.000.750 Việt Nam đồng (một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 5 năm trong năm 2018: 256.633.300 Việt Nam đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn ba trăm Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2018: 126.000 Việt Nam đồng (một trăm hai mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người/ năm.
- ❖ Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2018: khoảng 4.000.000 Việt Nam đồng (bốn triệu Việt Nam đồng)/ người.

### **Hoạt động đào tạo người lao động**

- ❖ Trong năm công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài về nghiệp vụ và sản phẩm nhằm hỗ trợ cho nhân viên cập nhật tính năng của dịch vụ và sản phẩm của công ty.
- ❖ Đồng thời, công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm để giúp nhân viên nâng cao tính chuyên nghiệp trong xử lý công việc.
  - Kỹ năng quản lý danh mục đầu tư
  - Kỹ năng chăm sóc khách hàng
  - Kỹ năng bán hàng
  - Kỹ năng Ngoại ngữ
- ❖ Nội dung đào tạo gồm nâng cao kỹ năng mềm, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật kiến thức về sản phẩm và dịch vụ, đào tạo nội quy lao động, quy chế công ty.

### **BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

Trong những năm vừa qua, PHS đã thực hiện tốt tinh thần sẻ chia với cộng đồng. Trong năm 2018, tập thể nhân viên Công ty đã đóng góp 01 ngày lương ủng hộ “Quỹ phòng chống thiên tai năm 2018”.

Đồng thời, Công ty luôn tuân thủ các quy định của Chính quyền địa phương và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, không tài trợ các dự án vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

Hàng năm, Công ty luôn tích cực tham gia các phong trào do địa phương và các cơ quan ban ngành trong địa bàn phát động, như hoạt động Đi bộ Từ thiện Lawrence S. Ting do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng tổ chức vào tháng 1 hàng năm. Đồng thời, Công ty tạo mối quan hệ tốt với các cơ quan ban ngành và ưu tiên giải quyết việc làm cho người dân trong địa phương.

Công ty cùng Quý nhà đầu tư chung tay vì cộng đồng qua chương trình trao tặng xe lăn cho người khuyết tật. Chương trình đã diễn ra trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/08/2018.

### **BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN**

PHS không phải báo cáo thông tin này.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

#### **MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**

Cuộc cạnh tranh trong lĩnh vực môi giới chứng khoán thực sự bước vào giai đoạn thật sự khó khăn, các công ty chứng khoán đều đầu tư vào công nghệ, con người và chất lượng tư vấn để mang lại kết quả hiệu quả cho khách hàng. Năm 2018 là một năm khó khăn đối với các công ty chứng khoán không phải Top đầu. Tuy nhiên, với nỗ lực của toàn bộ nhân viên PHS, kết quả kinh doanh của Công ty đã trở nên tốt hơn qua từng năm.

#### **Tăng giá trị giao dịch và doanh thu:**

Xét về chỉ số, thị trường chứng khoán Việt Nam 2018 không tăng trưởng như mong đợi, nhưng giá trị giao dịch của PHS tăng 22% so với năm 2017. Tương ứng với thành công này, thu nhập môi giới của Công ty năm 2018 tăng 23% so với cùng kỳ và đạt 51,45 đồng tỷ, đó cũng là kỷ lục mới của PHS kể từ khi thành lập Công ty.

#### **Tăng trưởng khách hàng và mở rộng mạng lưới:**

Năm 2018, mặc dù cuộc cạnh tranh có thể sẽ ở giai đoạn khốc liệt, Công ty vẫn phát triển với 4.750 tài khoản mới, cao hơn 109% so với năm 2017. Đây là mức tăng mạnh nhất trong vài năm qua và Công ty cũng sẽ cố gắng duy trì mức tăng này trong năm 2019.

Với việc thành lập nhiều đội ngũ mới, bằng cách tuyển dụng bên ngoài và tuyển dụng nội bộ, ở cả miền Bắc và miền Nam Việt Nam, mạng lưới bán hàng của PHS đã trở nên lớn hơn trong năm ngoái. Hơn nữa, năm 2018 đóng góp vào thị phần Công ty từ các chi nhánh phía Bắc đã tăng trưởng mạnh, tăng 52% so với năm 2017 và nó cũng là một kỷ lục mới cho đến nay.

#### **TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN**

Sau khi thiết lập kỷ lục mười năm trong năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng mạnh với mức tăng ấn tượng 12,8% và lọt vào top 3 thị trường tăng điểm nhiều nhất trên thế giới vào tháng giêng năm 2018. Dòng tiền trong và ngoài nước chảy vào thị trường mạnh mẽ, giúp chỉ số VN-Index tiến xa hơn nữa với mức tăng 19,3% trong quý 1.

Đáng tiếc, động lực tăng điểm của thị trường yếu dần và bắt đầu sụt giảm vào giữa tháng 4 do thiếu vắng dòng vốn ngoại và áp lực bán mạnh từ các mã vốn hóa lớn. Trước những biến động dấy lên từ diễn biến của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và sự mất giá mạnh của các đồng tiền trên thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam giảm sâu hơn và chính thức đi vào xu hướng giảm điểm. Tính đến ngày 28/12, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 892,54 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017.

Trước những biến động lớn của thị trường, lợi nhuận của danh mục đầu tư trong sáu tháng đầu năm 2018 đã bị xóa sạch từ đầu quý ba cùng với việc chỉ số VN-Index đi vào xu hướng giảm một lần nữa. Trong năm 2018, danh mục đầu tư của khối Tự doanh tập trung vào các cổ phiếu hàng đầu trong các ngành dẫn dắt và cổ phiếu có các câu chuyện riêng trên thị trường. Tuy nhiên, sự giảm sâu của các cổ phiếu vốn hóa lớn đã ảnh hưởng đến kết quả đầu tư. Việc tuân thủ qui trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt trong giai đoạn này đã giúp khối Tự doanh chỉ lỗ một mức nhỏ (-3,6%).

#### **TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ**

Doanh thu của khối Tư vấn trong năm 2018 chưa đạt được như mong đợi do việc hoãn lại của một số hợp đồng M&A so với kế hoạch đề ra. Doanh thu tư vấn chính trong năm 2018 đến từ dịch vụ tư vấn niêm yết, và dịch vụ phát hành trái phiếu và cổ phiếu. Trong năm nay, PHS đã tăng cường kết nối với các công ty niêm yết và công ty đại chúng để tìm thêm nhu cầu niêm yết và nâng cao nhận thức về thương hiệu PHS. Đội ngũ tư vấn đã ký nhiều hợp đồng mới liên quan đến tăng vốn, phát hành

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

trái phiếu và tư vấn niêm yết. Mặc dù các hợp đồng này đang diễn ra đang trong giai đoạn đầu, nhưng chúng được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều doanh thu hơn trong tương lai gần vào năm 2019.

PHS đang tập trung vào việc tích lũy kinh nghiệm tư vấn trước khi cung cấp dịch vụ tư vấn toàn diện hơn, đặc biệt là trong lĩnh vực M&A. Bên cạnh đó, PHS sẽ tiếp tục duy trì mục tiêu cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói cho các khách hàng lớn, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư vào Việt Nam. Đồng thời, PHS cố gắng cải thiện chất lượng dịch vụ để thúc đẩy quan hệ quốc tế và tiếp tục xây dựng thương hiệu mạnh.

## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cuối năm 2018, tổng tài sản là 1.512.415.822.665 đồng tăng 359.509.285.413 đồng (31%) so với đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.494.640.327.367 đồng chiếm 98,8% trong tổng tài sản (đầu năm chiếm 98,7%). Tài sản dài hạn là 17.775.495.298 đồng chiếm 1,2% trên tổng tài sản (đầu năm chiếm 1,3%). Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2018 so với đầu năm không thay đổi nhiều nhưng tổng tài sản tăng do hoạt động kinh doanh của công ty tăng lên. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,12.

Nợ xấu phải thu cuối năm 2018 là 6.051.639.641 đồng chiếm 0,4% trên tổng tài sản.

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2018, khoản nợ phải trả của công ty là 766.552.088.099 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó, nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 453.402.000.000 đồng chiếm 59% của tổng nợ phải trả vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.

## 3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ❖ Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giảm, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- ❖ Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty luôn chú trọng nâng cấp hệ thống, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng.
- ❖ Về chính sách: luôn cập nhật những thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

## 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI

Theo thống kê, có gần 19,7 triệu hợp đồng tương lai được giao dịch trên thị trường phái sinh, tương đương với giá trị danh nghĩa gần 1,86 triệu tỷ đồng. PHS sẽ là một trong những công ty tiếp theo tham gia thị trường này để cung cấp các sản phẩm phái sinh cho nhà đầu tư có nhiều lựa chọn hơn.

Về thị trường trái phiếu Chính phủ (trái phiếu G), tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

255 phiên đấu thầu, huy động 165.800 tỷ đồng. Các công ty bảo hiểm nhân thọ cũng tăng tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu trong bối cảnh phát triển thị trường bảo hiểm nhân thọ. Giá trị trúng thầu của trái phiếu G của ngành bảo hiểm năm 2018 chiếm hơn 61% tổng giá trị thắng thầu trên thị trường, tăng 48% so với năm 2017. Đây cũng là trọng tâm của việc phát triển hoạt động môi giới trái phiếu trong năm tiếp theo.

Thị phần năm 2018 chủ yếu đến từ các nhà đầu tư cá nhân, do đó, năm 2019, hoạt động môi giới sẽ tập trung vào nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư cho những khách hàng đó, phát triển các sản phẩm hỗ trợ và tiện ích giao dịch để nhà đầu tư có thể giao dịch nhanh hơn, an toàn hơn và hiệu quả hơn.

Tiếp tục thúc đẩy mạnh tuyển dụng và đào tạo của đội ngũ môi giới nhiều kinh nghiệm để mở rộng thị phần nhanh hơn.

Để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đầu tư vào cổ phiếu PHS cũng như tạo sự minh bạch trong kinh doanh trên thị trường, PHS cũng sẽ đăng ký giao dịch trên UPCOM trong năm 2019.

### TỰ DOANH

Hiện tại, danh sách cổ phiếu đầu tư được theo dõi, cập nhật và điều chỉnh cùng với những tín hiệu từ kỹ thuật và cơ bản. Bên cạnh đó, danh mục đầu tư cũng được xem xét thường xuyên. Quá trình theo dõi diễn biến cổ phiếu được ghi nhận như là hướng dẫn cho hoạt động đầu tư trong tương lai.

Bên cạnh đó, kỹ năng giao dịch đã được cải thiện đáng kể thông qua việc thực hiện nghiêm túc chiến lược đầu tư đã được phê duyệt nhằm đảm bảo việc tìm kiếm lợi nhuận tiềm năng và quản lý rủi ro được thực hiện đồng thời. Danh mục đầu tư đã được đa dạng hóa, hơn là tập trung vào bất kỳ một cổ phiếu nào. Đến cuối tháng 12, khối Tự doanh lỗ một mức nhỏ -3,6% so với mức sụt giảm 9,3% của chỉ số VN-Index.

Năm 2019, thị trường tài chính toàn cầu có thể đối mặt với rủi ro suy giảm, nhưng chúng tôi dự đoán rằng thị trường chứng khoán Việt Nam sau một đợt điều chỉnh dài trong năm 2018, sẽ tích lũy động lực và phục hồi vào năm nay. Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của các ngành có thể không ấn tượng như năm vừa qua. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế đầy hứa hẹn và sức mua mạnh mẽ sẽ hỗ trợ thị trường chứng khoán tiếp tục tăng.

Khối Tự doanh sẽ theo dõi sự chuyển động của thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán. Với việc hợp tác chặt chẽ với khối Phân tích trong việc phân tích cơ bản cũng như phân tích kỹ thuật, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, bên cạnh hoạt động rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.

### MARKETING

Để hỗ trợ cho việc phát triển khách hàng và tuyển dụng trong năm 2019, PHS có kế hoạch hợp tác chặt chẽ với truyền thông, báo chí, đài truyền hình để nâng cao sự nhận diện thương hiệu của Công ty. Thông qua các hãng tin như FBNC, nhân viên của PHS có nhiều cơ hội để chia sẻ các kiến thức về thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư. Và sự xuất hiện thường xuyên hơn trên các kênh truyền thông tài chính như CafeF, Vietstock và VIR sẽ rất hữu ích để gia tăng sự chú ý của người xem đối với thương hiệu và dịch vụ của Công ty trên thị trường.

Để tạo mối quan hệ tốt với các cơ quan Chính phủ, PHS sẽ theo sát và tham gia các hội nghị, hội thảo hoặc tham gia các hội đồng, nhóm chuyên gia phát triển thị trường do cơ quan Chính phủ tổ chức. Trước đây, PHS đã nhận được một số giải thưởng vì sự hỗ trợ của Công ty cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong việc tìm hiểu các hoạt động kinh doanh tại thị trường Đà Loan.

Năm 2018, PHS đã tham gia nhiều hoạt động từ thiện như quyên góp xe lăn cho người khuyết tật hoặc tham gia Chiến dịch Nụ cười để hỗ trợ những trẻ nhỏ bị sứt môi hở hàm ếch. Những hoạt động này đã chuyển tải hình ảnh thân thiện và trách nhiệm của PHS đối với xã hội. Tiếp theo xu hướng này, PHS sẽ tiếp tục tham gia nhiều hoạt động từ thiện và xã hội khác để



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

hỗ trợ nhiều hơn cho những người gặp khó khăn và cũng nâng cao sự nhận diện của xã hội đối với thương hiệu của Công ty.

Về mặt tiếp thị nội bộ, Công ty đã lập một kế hoạch cả năm cho năm 2019, trong đó sẽ tập trung vào việc chuyển tải văn hóa Công ty cho tập thể nhân viên. Chúng tôi hy vọng rằng thông qua các hoạt động tập thể hàng quý, nhân viên của Công ty có thể có nhiều cơ hội hơn để hiểu về văn hóa doanh nghiệp và cũng có nhiều cơ hội để hiểu nhau hơn. Chúng tôi tin rằng sự gắn kết chặt chẽ giữa nhân viên với Công ty và giữa các nhân viên với nhau sẽ mang lại hiệu quả công việc cao hơn.

### QUẢN LÝ RỦI RO

Với tình hình thị trường đầy hứa hẹn vào năm 2019, khối Quản lý Rủi ro sẽ tiếp tục áp dụng các chính sách quản lý rủi ro tương tự như năm 2018, trong đó tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các cổ phiếu ký quỹ, tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép ký quỹ; tỷ lệ cho vay khác nhau đối với các cổ phiếu được phép ký quỹ khác nhau.

Năm 2018, mức tăng trưởng và tình trạng chung của thị trường tốt hơn nhiều so với năm 2017, khối Quản lý rủi ro đã hợp tác tốt với khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường.

Vào năm 2019, nhiều sản phẩm phái sinh và sản phẩm mới sẽ xuất hiện để giúp thị trường trở nên sôi động hơn, điển hình là Chứng quyền đảm bảo và Hợp đồng tương lai trái phiếu. Điều này có nghĩa là sự phân tán của dòng tiền trong thị trường cơ sở và thị trường phái sinh sẽ tiếp tục rõ ràng hơn nữa. Bên cạnh đó, áp lực lạm phát gia tăng từ việc áp thuế bảo vệ môi trường đối với các sản phẩm dầu mỏ và Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) duy trì chính sách tăng lãi suất cơ bản trong bối cảnh rủi ro từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung có thể phức tạp hơn. Để đảm bảo chiến lược mà các hoạt động quản lý rủi ro không chỉ giảm thiểu rủi ro mà còn hỗ trợ các hoạt động kinh doanh. Khối Quản lý rủi ro sẽ hợp tác tốt nhất với khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách có thể ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau và hoạt động kinh doanh được hỗ trợ tốt.

Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2019 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững của tăng trưởng kinh doanh.

### QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Nhằm đáp ứng nhu cầu lớn mạnh của công ty trong năm tới và những năm tiếp theo, PHS tiếp tục tập trung vào môi giới bán lẻ, phát triển mạnh số lượng nhân viên môi giới phát triển khách hàng nhằm thu hút khách hàng mới bên cạnh việc vẫn duy trì và cải tiến các biên chế hiện tại, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực là cực kỳ cần thiết trong chiến lược phát triển của Công ty.

Đồng thời công ty cũng rất chú trọng đến chiến lược phát triển chất lượng nguồn nhân lực, không ngừng đào tạo và đào tạo lại lực lượng hiện có, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm. Nhân sự sẽ tích cực tìm hiểu các khóa học phù hợp cho các nhân viên và chuẩn hóa bộ đào tạo cho nhân viên mới.

Mặt khác, Công ty tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp hơn nữa nhưng không thiếu phần thân thiện, tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp, tăng cường việc tuân thủ kỷ luật và cải tiến các chính sách phúc lợi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc cho công ty. Bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa khả năng sáng tạo của nhân viên.

Phòng Nhân sự sẽ tiếp tục phối hợp với các phòng ban khác xây dựng các chương trình thi đua nhằm tăng doanh thu và giảm chi phí. Tiền thưởng được chi trả từ phần doanh thu tăng thêm hoặc chi phí tiết kiệm được. Điều này sẽ khuyến khích nhân viên làm việc nỗ lực hơn nữa để đạt được hoặc thậm chí vượt mức chỉ tiêu kinh doanh.

## **5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

Ý kiến Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

## **6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

### **ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

### **ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

- ❖ Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2018: 138.000.750 Việt Nam đồng (một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 5 năm trong năm 2018: 256.633.300 Việt Nam đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn ba trăm Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2018: 126.000 Việt Nam đồng (một trăm hai mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người/ năm.
- ❖ Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2018: khoảng 4.000.000 Việt Nam đồng (bốn triệu Việt Nam đồng)/ người.

### **ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

- ❖ Trích đóng quỹ phòng chống thiên tai, lũ lụt trong năm 2018: Người sử dụng lao động là 64.000.000 Việt Nam đồng (sáu mươi bốn triệu Việt Nam đồng) và người lao động là khoảng 166.000 Việt Nam đồng (một trăm sáu mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người.
- ❖ Nhân viên hưởng ứng chương trình của tập đoàn về đóng góp và chia sẻ với đồng bào vùng lũ lụt.
- ❖ Công ty tài trợ và toàn thể nhân viên tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp UBND quận 7, quận 8, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích gây quỹ hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp xuân về.
- ❖ Công ty cùng Quý nhà đầu tư chung tay vì cộng đồng qua chương trình trao tặng xe lăn cho người khuyết tật. Chương trình đã diễn ra trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/08/2018. Tổng số xe lăn đã trao tặng là 103 chiếc.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2018**

Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ấn tượng trong năm 2018 với tăng trưởng GDP ở mức 7,08%, cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Thành tựu này là nhờ vào sự tăng trưởng liên tục của khu vực công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là mức tăng cao nhất của khu vực nông nghiệp trong giai đoạn 2012-2018, đã khẳng định hiệu quả của việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Trong khi đó, CPI vẫn nằm trong tầm kiểm soát dưới 4% và tăng trưởng tín dụng dưới 16%, là mức thấp nhất trong vòng 4 năm. Trong năm, điều hành chính sách tiền tệ đã tập trung vào việc ổn định tỷ giá và kiềm chế lạm phát để chống lại các rủi ro từ bên ngoài như việc Fed đã tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018, giá dầu thế giới đạt đỉnh 87 USD/thùng vào tháng 10/2018 và chiến tranh thương mại leo thang.

Kinh tế Việt Nam ngày càng trở nên cởi mở và hấp dẫn hơn, được thúc đẩy bởi thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài nhờ tiến trình cải cách và hội nhập sâu sắc. Việt Nam đã đạt được mức thặng dư thương mại cao nhất từ trước tới nay với 7,41 tỷ USD trong 11 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu tăng trưởng 14,5%YoY trong khi tăng trưởng nhập khẩu ở mức 12,1%YoY. Trong năm 2018, giải ngân FDI đạt 19,1 tỷ USD (+9.1%YoY), đây cũng là mức cao nhất của nhiều năm và tỷ lệ FDI đăng ký thấp hơn một chút so với năm ngoái, ở mức 35,46 tỷ USD (-1,2%YoY). Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức được phê duyệt vào tháng 11 năm 2018 và sẽ có hiệu lực vào đầu năm 2019 cùng với Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam – EU (IPA), được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn cho Việt Nam trong những năm tới.

Dù kinh tế vĩ mô có nhiều khởi sắc nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam lại chứng kiến sự sụt giảm sau khi tạo ra đỉnh mới ở mức 1.204,33 điểm vào ngày 9/4/2018. Diễn biến này đồng thuận cao với thị trường chứng khoán toàn cầu khi việc bán tháo diễn ra ở khắp mọi nơi do “nỗi sợ suy thoái kinh tế”. Kết thúc năm 2018, VN-Index đóng cửa ở mức 892,54 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017. Đây là năm đầu tiên VN-Index sụt giảm sau chuỗi 6 năm tăng điểm liên tiếp.

Trái ngược với biến động của chỉ số, tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam (bao gồm HSX, HNX, UPCOM) vào thời điểm cuối năm 2018 là 3.961 nghìn tỷ đồng (xấp xỉ 125 tỷ USD), tăng 13% so với năm trước và tương đương 72% GDP, vượt quá mục tiêu vốn hóa thị trường cổ phiếu đến năm 2020 là 70%. Trong năm 2018, Việt Nam đã huy động được 2,6 tỷ USD từ các thương vụ IPO, cao gấp 3,7 lần so với năm 2017 và vượt qua Singapore, Thái Lan để trở thành quốc gia dẫn đầu Đông Nam Á. Các thương vụ IPO của VHM (1,34 tỷ đồng) và TCB (923 triệu USD) là 2 trong 3 giao dịch lớn nhất ở Đông Nam Á trong năm 2018. Với nhiều cổ phiếu lớn chào sàn, giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán Việt Nam (bao gồm cả giao dịch thỏa thuận) đã gia tăng đáng kể, với mức trung bình khoảng 6.545 tỷ đồng/ngày, cao hơn 30% so với trung bình năm trước. Trong đó, giá trị giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài đóng góp khoảng 18% và tổng giá trị mua ròng của khối này trong năm 2018 vào khoảng 1,9 tỷ USD, tăng mạnh 51% so với năm trước.

Sự bùng nổ của thị trường phái sinh Việt Nam sau 17 tháng ra mắt cũng là một trong những sự kiện nổi bật nhất trong năm 2018. Số lượng hợp đồng khớp lệnh trung bình mỗi phiên trong năm 2018 đạt 78.736 hợp đồng, cao gấp 7,2 lần so với con số trung bình năm 2017 với giá trị giao dịch trên 10.000 tỷ đồng mỗi ngày trong thời gian gần đây. Đây là một thị trường đầy hứa hẹn cho các công ty chứng khoán trong tương lai gần.

#### **KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018**

Với thành công của TTCK Việt Nam năm 2018, Công ty CP Chứng khoán Phú Hưng đã có một năm kinh doanh thuận lợi và kỳ vọng giữ được đà tăng trưởng này trong năm tới. Lợi nhuận sau thuế của PHS đạt 37,5 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch của năm

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Tài chính 2018 được thông qua vào kỳ Đại hội đồng cổ đông năm vừa rồi. Đây là kết quả lợi nhuận cao nhất của Công ty kể từ khi thành lập đến nay.

### NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng đã chào mừng một kỳ nguyên kinh doanh mới sau khi hợp nhất thành công với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành vào đầu năm 2016. Sự hợp nhất chiến lược này đã góp phần nâng cao năng lực của Công ty ở khu vực phía Bắc và củng cố thêm sức mạnh về định hướng phát triển mạng lưới rộng khắp đất nước. Sau nhiều năm nỗ lực, Công ty đã giành được đà tăng trưởng mạnh mẽ và có nhiều tín hiệu đáng mừng cho sự phát triển trong tương lai. Vào ngày 26/12/2018, Công ty đã nhận được Giấy phép Điều chỉnh Số 107/GPĐC-UBCK bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận về việc thay đổi Vốn điều lệ của Công ty lên đến 700 tỷ đồng. Mục đích chính của việc tăng vốn lần này nhằm tạo động lực và nền tảng sức mạnh cho sự phát triển của Công ty. Năm 2019, Công ty dự kiến sẽ chuyển sang chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận cao giữa viễn cảnh thị trường lạc quan và quản trị doanh nghiệp vững mạnh.

### TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

#### ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới. Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. PHS thường xuyên tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp tài chính cũng như các chuyên gia Đài Loan với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch nhằm giao lưu chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai các sản phẩm tài chính mới đối với thị trường Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng mục đích của việc kinh doanh không chỉ đơn giản là tập trung vào lợi nhuận. Thông qua việc đóng góp và tham gia xây dựng thị trường, chúng tôi luôn giữ vai trò là người tiên phong trong việc định hướng tương lai cho thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

#### NUÔI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn trau dồi các kỹ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên năm vừa rồi.

### 3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019, Công ty dự kiến sẽ chuyển sang chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận cao giữa viễn cảnh thị trường lạc quan và quản trị doanh nghiệp vững mạnh. Để đạt được những mục tiêu đầy thách thức, HĐQT của PHS sẽ đi theo 6 chiến lược quan trọng như sau:

- ❖ Tăng cường năng lực tài chính – Trong bối cảnh thị trường đang thay đổi và ngày càng phát triển, Chứng khoán Phú Hưng sẽ từng bước tăng vốn điều lệ để đáp ứng tiêu chuẩn vốn của các công ty chứng khoán tùy thuộc vào nhu cầu của thị trường. Trong quý IV năm 2017, Công ty Chứng khoán Phú Hưng đang xử lý việc tăng vốn từ 320 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, và đã hoàn thành vào ngày 11 tháng 1 năm 2018. Vào Quý IV năm 2018, Công ty Chứng khoán Phú Hưng đã tiếp tục quá trình tăng vốn từ 500 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng và Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh được UBCKNN chấp thuận vào ngày 26 tháng 12 năm 2018. Cổ đông chiến lược của PHS hiện nay là CX Technology Taiwan với uy tín cao trên thị trường Đài Loan, hiện có mối quan hệ tốt với các ngân hàng Đài Loan, điều này sẽ đem lại nhiều khoản hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty.
- ❖ Giới thiệu kinh nghiệm phong phú từ các sản phẩm phái sinh tại Đài Loan – Thị trường phái sinh Việt Nam hiện đang ở bước đầu tiên trong khi các sản phẩm phái sinh ở Đài Loan đã được phát triển hơn 20 năm. Chứng khoán Phú Hưng đang từng bước chuẩn bị vốn điều lệ và các điều kiện cần thiết khác để đáp ứng tiêu chuẩn tham gia thị trường phái sinh Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng thị trường phái sinh sẽ phải mất vài năm để hoàn thiện. Khi thời gian chín muồi, Công ty chúng tôi sẽ ngay lập tức tham gia và áp dụng kinh nghiệm của Đài Loan trong đầu tư và kinh doanh chứng khoán cho thị trường Việt Nam. Cho đến thời điểm đó, chúng tôi sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh và đầu tư các sản phẩm phái sinh từ Đài Loan sang thị trường Việt Nam. Công ty đã tổ chức các cuộc hội thảo cho các nhà đầu tư và các khoá đào tạo cho tất cả nhân viên về các sản phẩm phái sinh, và vào năm 2019, chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động này và biến nó trở thành các hoạt động thường xuyên.
- ❖ Xây dựng đội ngũ kinh doanh hoặc các chi nhánh mới. Cho đến hiện tại, PHS đã có 06 chi nhánh và các phòng giao dịch trên khắp lãnh thổ, lần lượt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng. Việc Xây dựng đội ngũ kinh doanh hoặc các chi nhánh mới sẽ có tác động tích cực đến tình hình kinh doanh của Công ty. Họ đóng góp một phần rất lớn vào doanh thu của Công ty. Vì vậy, PHS mong sẽ gặt hái được nhiều thành công và đạt được mục tiêu với sự hỗ trợ của đội ngũ kinh doanh hoặc các chi nhánh mới trong năm 2019.
- ❖ Cải thiện và nâng cao sự biểu hiện của các cấp quản lý là một trong những yếu tố quan trọng nhất mà PHS phải quan tâm đến. Các cấp quản lý là một trong những nhân tố thiết yếu góp phần quyết định sự thành công của Công ty. Hiện tại, sự biểu hiện của toàn bộ nhân viên được đánh giá bằng phương thức đánh giá KPI, PHS thực hiện đánh giá 02 lần một năm, mỗi 06 tháng một lần. Vào năm 2019, PHS sẽ xem xét để điều chỉnh một vài tiêu chí trong danh mục đánh giá KPI theo hướng tích cực và nghiêm khắc hơn để tạo động lực cho nhân viên nỗ lực, điều mà phù hợp với việc phát triển kinh doanh của Công ty. Chúng ta cũng sẽ xem xét lại những biểu hiện kém hiệu quả, đặc biệt là đối với các cấp quản lý. Hơn nữa, PHS sẽ tìm những ứng cử viên tiềm năng, người có thể được thăng tiến trong tương lai. Cuối cùng, với những nhân viên có cam kết dài hạn, Công ty luôn luôn cố gắng hết mình để họ có cơ hội phát huy ưu thế của bản thân trong những vị trí mà họ tự tin. Đối với những nhân viên có tiềm năng, Công ty sẽ để họ có cơ hội trở thành các cấp quản lý trong tương lai.
- ❖ Kết nối kinh doanh với các thế hệ mới - PHS hiểu rõ rằng sự phát triển bền vững luôn phải dựa trên chất lượng nguồn nhân lực. Kết nối đội ngũ kinh doanh của Công ty với sự gia tăng của thế hệ trẻ sẽ đảm bảo PHS có đà phát triển không

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

---

ngừng. Các thể hệ mới là sự củng cố tiềm năng cho các công ty môi giới và khách hàng trong tương lai của công ty chúng tôi. Bắt đầu vào năm 2016, chúng tôi đã tổ chức các cuộc hội thảo định kỳ cho sinh viên tại các chi nhánh và trường để tạo mối quan hệ với các sinh viên đầy hứa hẹn và bình thường hóa kế hoạch tập sự để tìm thêm tài năng tiềm năng.

- ✦ Phát triển mạng lưới các nhà đầu tư nước ngoài - Công ty Chứng khoán Phú Hưng, với mục tiêu phát triển dài hạn nhằm dành nhiều sự quan tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư sử dụng tiếng Trung, có thể dễ dàng hiểu rõ hơn về thị trường chứng khoán Việt Nam và được cung cấp các tư vấn đầu tư một cách chuyên nghiệp. Chúng tôi đã xây dựng hệ thống dịch vụ và báo cáo nghiên cứu gồm ba ngôn ngữ, tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Việt. Các dịch vụ đa ngôn ngữ độc đáo giúp PHS có được nền tảng vững chắc khi thị trường Việt Nam trở thành một phần quan trọng trong đa dạng đầu tư toàn cầu.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên Hội Đồng Quản Trị | Chức vụ tại PHS    | Chức vụ tại công ty khác | Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS |
|-----|------------------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------------|
| 1.  | Ông Albert Kwang-Chin Ting   | Chủ tịch Hội đồng  |                          | 0%                            |
| 2.  | Ông Nguyễn Đoàn Hùng         | Thành viên         |                          | 0%                            |
| 3.  | Ông Wu, Jin-Jeng             | Thành viên         |                          | 0%                            |
| 4.  | Ông Chen Chia Ken            | Thành viên         |                          | 0%                            |
| 5.  | Bà Tsai, Hsiu-Li             | Thành viên độc lập |                          | 0%                            |

#### CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KHÔNG CÓ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, Hội Đồng Quản Trị đã hoàn thành những công việc được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao phó, qua đó, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh của PHS khởi sắc và nâng cao thị phần môi giới của PHS trên thị trường chứng khoán.

Ngày 25/01/2018, Hội Đồng Quản Trị thông qua việc sửa đổi, bổ sung Chính sách quản lý rủi ro.

Ngày 28/03/2018, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế quản trị công ty (sửa đổi, bổ sung) đệ trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên ngày 17/04/2018 để thông qua và áp dụng thực hiện.

Những văn bản trên đã cập nhật những quy định pháp luật mới nhất, góp phần tạo nên khung pháp lý chắc chắn, làm nền tảng để công ty hoạt động một cách có hiệu quả và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật.

Để hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị trong kiểm soát việc tuân thủ các quy định pháp luật cũng những quy định nội bộ, PHS đã lập ra Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ. Với nguồn nhân sự là những người nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ đã giúp Hội Đồng Quản Trị quản lý tốt tất cả các rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Trong năm 2018, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện 11 cuộc họp, thông qua 11 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:

| STT | Ngày       | Số Nghị Quyết      | Nội dung   |
|-----|------------|--------------------|--|
| 1.  | 25/01/2018 | 01/25_0118/NQ-HĐQT | 1. Thông qua Kế hoạch Kinh doanh năm 2018;<br>2. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Chính Sách Quản Lý Rủi Ro.   |
| 2.  | 14/03/2018 | 01/26_0218/NQ-HĐQT | 1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày và thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018;<br>2. Thông qua Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United.   |
| 3.  | 28/03/2018 | 01/27_0318/NQ-HĐQT | 1. Thông qua Báo cáo về kết quả của việc tăng vốn lên 500.000.000.000 đồng;<br>2. Thông qua chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/4/2018;<br>3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|    |            |                    |  |
|----|------------|--------------------|--|
|    |            |                    | <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;</li> <li>5. Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty năm 2017;</li> <li>6. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2017;</li> <li>7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập năm 2018;</li> <li>8. Thông qua sơ đồ tổ chức mới của Công ty;</li> <li>9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</li> <li>10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty;</li> <li>11. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về việc đăng ký, lưu ký mã chứng khoán của PHS tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị thực hiện những công việc liên quan đến đăng ký, lưu ký cổ phiếu của PHS;</li> <li>12. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu PHS thị trường UPCOM và việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị thực hiện những công việc liên quan đến đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS lên thị trường UPCOM;</li> <li>13. Thông qua việc ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken – Tổng Giám đốc, làm Chủ tọa Đại hội và ký những văn bản liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/4/2018;</li> <li>14. Thông qua việc ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken – Tổng Giám đốc, ký những văn bản liên quan đến việc đăng ký và lưu ký mã chứng khoán của PHS tại VSD và việc đăng ký giao dịch cổ phiếu PHS lên thị trường UPCOM;</li> <li>15. Thông qua Hợp đồng hạn mức Tín dụng với Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</li> <li>16. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Indovina, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</li> <li>17. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Mega, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</li> <li>18. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Cathay United, Chi nhánh Chu Lai.</li> </ol> |
| 4. | 27/04/2018 | 01/28_0418/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial &amp; Savings Bank, Chi nhánh Đồng Nai;</li> <li>2. Thông qua việc thay đổi lãi suất tín dụng với Ngân hàng Cathay United and Ngân hàng Indovina.</li> </ol>   |
| 5. | 24/05/2018 | 01/29_0518/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội;</li> <li>2. Thông qua thù lao dành cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát;</li> <li>3. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa;</li> <li>4. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Thương mại First Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>5. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Cathay United, Chi nhánh Chu Lai;</li> <li>6. Thông qua Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega (DBU và OBU).</li> </ol>   |
| 6. | 20/06/2018 | 01/30_0618/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua việc thay đổi Thư ký Hội đồng Quản trị;</li> <li>2. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Shanghai, Chi nhánh Hong Kong.</li> </ol>   |
| 7. | 21/08/2018 | 01/31_0718/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Yuanta, Chi nhánh Offshore;</li> <li>2. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng CTBC;</li> <li>3. Thông qua việc thay đổi và đăng ký đại diện chi nhánh Quận 3 tại Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;</li> <li>4. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng OCB.</li> </ol>   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|     |            |                    |   |
|-----|------------|--------------------|---|
| 8.  | 22/08/2018 | 01/32_0818/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua việc tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường;</li> <li>2. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày và thời gian tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường (ĐHĐCĐBT).</li> </ol>   |
| 9.  | 13/09/2018 | 01/33_0918/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Kế hoạch tăng vốn lên 700.000.000.000 đồng;</li> <li>2. Thông qua Điều lệ sửa đổi của PHS;</li> <li>3. Thông qua việc ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐBT ngày 04/10/2018.</li> </ol>   |
| 10. | 09/10/2018 | 01/34_1018/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng EnTie;</li> <li>2. Thông qua việc ký kết Hợp đồng vay vốn với Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Vũ Thái.</li> </ol>   |
| 11. | 07/12/2018 | 01/35_1118/NQ-HĐQT | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.Sun, Chi nhánh Đồng Nai;</li> <li>2. Thông qua việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>3. Thông qua việc bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng;</li> <li>4. Thông qua Ngân sách năm 2019;</li> <li>5. Thông qua Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai, Chi nhánh Đồng Nai.</li> </ol> |

**HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**

Trong năm 2018, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã thực hiện đúng với nhiệm vụ được giao. Cùng với Ban Kiểm Soát, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã giám sát và theo dõi các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc trong các hoạt động quản lý điều hành Công ty.

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

| STT | Thành viên Hội Đồng Quản Trị | Chức vụ tại PHS    | Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty | Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm |
|-----|------------------------------|--------------------|---------------------------------------|---|
| 1.  | Ông Albert Kwang-Chin Ting   | Chủ tịch           | Có                                    | Có  |
| 2.  | Ông Nguyễn Đoàn Hùng         | Thành viên         | Có                                    | Có  |
| 3.  | Ông Wu, Jin-Jeng             | Thành viên         | Không                                 | Có  |
| 4.  | Ông Chen Chia Ken            | Thành viên         | Có                                    | Có  |
| 5.  | Bà Tsai, Hsiu-Li             | Thành viên độc lập | Không                                 | Có  |

**2. BAN KIỂM SOÁT**

**THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT**

| STT | Thành viên Ban Kiểm Soát | Chức vụ tại PHS                            | Chức vụ tại công ty khác | Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS |
|-----|--------------------------|--|--------------------------|-------------------------------|
| 1.  | Bà Kuo, Chih-Chia        | Trưởng Ban Kiểm Soát (đến ngày 18/07/2018) |                          | 0%                            |
| 2.  | Bà Chang, Wen-Ning       | Trưởng Ban Kiểm Soát (từ ngày 18/07/2018)  |                          | 0%                            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|    |                      |            |  |    |
|----|----------------------|------------|--|----|
| 3. | Ông Lii, San-Rong    | Thành viên |  | 0% |
| 4. | Ông Chiu, Hsien-Chih | Thành viên |  | 0% |

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm Soát trong năm 2018 đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS, bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị Công Ty của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc cũng như hoạt động của các khối trong Công Ty.

Trong năm 2018, Ban Kiểm Soát đã thực hiện những cuộc họp thể hiện qua các biên bản họp sau:

| STT | Ngày       | Số Nghị Quyết     | Nội dung  |
|-----|------------|-------------------|---|
| 1.  | 29/03/2018 | 01/06_0118/BB-BKS | <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động trong năm 2017 trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/04/2018;</li> <li>Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018 trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 17/04/2018.</li> </ol>   |
| 2.  | 18/07/2018 | 01/07_0218/BB-BKS | <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc từ nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát – Bà Kuo, Chih-Chia;</li> <li>Thông qua việc bổ nhiệm tạm thời thành viên mới Ban kiểm soát – Bà Chang, Wen-Ning;</li> <li>Thông qua việc bầu tạm thời Trưởng Ban kiểm soát - Bà Chang, Wen-Ning.</li> </ol>  |
| 3.  | 19/11/2018 | 01/08_0318/BB-BKS | <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/09/2018;</li> <li>Báo cáo Tài chính soát xét tháng 10/2018;</li> <li>Báo cáo hoạt động kinh doanh tháng 10/2018;</li> <li>Kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn lên đến 700 tỷ đồng;</li> <li>Báo cáo Đánh giá hoạt động kiểm soát của PHS Quý 2 năm 2018.</li> </ol> |

**3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được nhận thù lao theo chế độ của Công ty. Tổng cộng khoản thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là 1.920.000.000 đồng.

Thành viên Ban Tổng Giám Đốc gồm có Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc nhận lương và thưởng theo chế độ của Công ty.

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của PHS lên 700.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm tỷ Việt Nam đồng), từ ngày 03/12/2018 đến ngày 06/12/2018, Freshfieds Capital Corporation, Phu Hung Far East Holding Corporation, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị) đã thực hiện mua cổ phiếu phát hành thêm trong đợt chào bán riêng lẻ của PHS.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

| STT | Ngày       | Số hợp đồng     | Nội dung giao dịch   |
|-----|------------|-----------------|--|
| 1.  | 28/12/2018 | 02/ATLA/PL/2018 | Phụ lục số 02/ATLA/PL/2018 của Hợp đồng vay số 02/2016/HDV/PL với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Đầu tư Phú Lập. |
| 2.  | 28/12/2018 | 01/ATLA/PL/2018 | Phụ lục số 01/ATLA/PL/2018 của Hợp đồng vay số 01/2017/HDV/PL với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Đầu tư Phú Lập. |

**VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Trong năm 2018, áp dụng những quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, PHS đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/04/2018.

Đồng thời, PHS cũng tổ chức phổ biến các quy định mới trong Nghị định 71/2017/NĐ-CP để tất cả các khối trong công ty có cơ sở tuân thủ và thực hiện.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

#### **KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 57.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**


**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00213-19-1



  
Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1  
Phó Tổng Giám Đốc

  
Chong Kwang Puay  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

**2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|   | Mã số   | Thuyết minh | 31/12/2018<br>VND        | 31/12/2017<br>VND        |
|---|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                            |   |             |                          |                          |
| <b>A</b>                                  | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN<br/>(100 = 110 + 130)</b> |             | <b>1.494.640.327.367</b> | <b>1.137.755.632.931</b> |
| <b>I</b>                                  | <b>Tài sản tài chính</b>                      |             | <b>1.492.906.413.908</b> | <b>1.136.363.968.529</b> |
| 1   | 111   | 5           | 188.288.845.466          | 301.221.015.331          |
| 1.1                                       | 111.1   |             | 2.338.977.154            | 180.489.473.202          |
| 1.2                                       | 111.2   |             | 185.949.868.312          | 120.731.542.129          |
| 2   | 112   | 7(a)        | 2.579.196.590            | 4.829.518.551            |
| 3   | 113   | 7(b)        | 80.000.000.000           | 80.000.000.000           |
| 4   | 114   | 7(c)        | 1.175.167.952.987        | 708.217.046.434          |
| 6   | 116   | 11(a)       | (6.051.639.641)          | (3.536.656.255)          |
| 7   | 117   | 8           | 32.397.517.351           | 15.979.061.795           |
| 7.2                                       | 117.2   |             | 32.397.517.351           | 15.979.061.795           |
| 8   | 118   |             | 1.151.226.550            | 434.451.817              |
| 9   | 119   | 9           | 15.727.015.963           | 25.888.315.551           |
| 12  | 122   | 10          | 12.935.988.148           | 12.801.556.362           |
| 13  | 129   | 11(b)       | (9.289.689.506)          | (9.470.341.057)          |
| <b>II</b>                                 | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                  |             | <b>1.733.913.459</b>     | <b>1.391.664.402</b>     |
| 1   | 131   |             | 330.500.000              | 162.100.000              |
| 3   | 133   | 12(a)       | 1.403.413.459            | 1.229.564.402            |
| <b>B</b>                                  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN<br/>(200 = 220 + 250)</b>  |             | <b>17.775.495.298</b>    | <b>15.150.904.321</b>    |
| <b>II</b>                                 | <b>Tài sản cố định</b>                        |             | <b>7.368.001.106</b>     | <b>7.341.791.154</b>     |
| 1   | 221   | 13          | 3.878.773.536            | 2.812.693.243            |
|   | 222   |             | 24.008.451.530           | 22.081.352.730           |
|   | 223a  |             | (20.129.677.994)         | (19.268.659.487)         |
| 3   | 227   | 14          | 3.489.227.570            | 4.529.097.911            |
|   | 228   |             | 8.161.659.400            | 8.161.659.400            |
|   | 229a  |             | (4.672.431.830)          | (3.632.561.489)          |
| <b>V</b>                                  | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                   |             | <b>10.407.494.192</b>    | <b>7.809.113.167</b>     |
| 1   | 251   | 15          | 1.888.074.824            | 1.765.122.924            |
| 2   | 252   | 12(b)       | 4.055.303.300            | 3.989.840.965            |
| 4   | 254   | 16          | 4.464.116.068            | 2.054.149.278            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN<br/>(270 = 100 + 200)</b> |   |             | <b>1.512.415.822.665</b> | <b>1.152.906.537.252</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2018<br>VND        | 31/12/2017<br>VND        |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C NỢ PHẢI TRẢ</b><br><b>(300 = 310 + 340)</b>            | <b>300</b> |             | <b>766.552.088.099</b>   | <b>644.492.785.816</b>   |
| <b>I Nợ phải trả ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>766.187.546.432</b>   | <b>644.152.348.316</b>   |
| 1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                         | 311        |             | 647.666.000.000          | 556.826.000.000          |
| 1.1 <i>Vay ngắn hạn</i>                                     | 312        | 17          | 647.666.000.000          | 556.826.000.000          |
| 6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán                  | 318        | 18          | 102.621.772.169          | 75.601.100.181           |
| 8 Phải trả người bán  | 320        |             | 165.722.331              | 61.780.156               |
| 9 Người mua trả tiền trước                                  | 321        |             | -                        | 78.012.000               |
| 10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                      | 322        | 19          | 1.279.855.304            | 1.370.630.535            |
| 11 Phải trả người lao động                                  | 323        |             | 4.542.000                | 915.000                  |
| 12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                   | 324        |             | 376.948.073              | 376.555.573              |
| 13 Chi phí phải trả   | 325        | 20          | 12.302.295.614           | 9.381.035.712            |
| 17 Các khoản phải trả khác                                  | 329        | 21          | 1.770.410.941            | 456.319.159              |
| <b>II Nợ phải trả dài hạn</b>                               | <b>340</b> |             | <b>364.541.667</b>       | <b>340.437.500</b>       |
| 12 Dự phòng phải trả dài hạn                                | 354        |             | 364.541.667              | 340.437.500              |
| <b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                         | <b>400</b> |             | <b>745.863.734.566</b>   | <b>508.413.751.436</b>   |
| <b>I Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>745.863.734.566</b>   | <b>508.413.751.436</b>   |
| 1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                 | 411        |             | 699.998.815.000          | 499.998.815.000          |
| 1.1 <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>                           | 411.1      |             | 700.000.000.000          | 320.000.000.000          |
| 1.4 <i>Vốn khác</i>   | 411.4      |             | -                        | 180.000.000.000          |
| 1.5 <i>Cổ phiếu quỹ</i>                                     | 411.5      |             | (1.185.000)              | (1.185.000)              |
| 7 Lợi nhuận chưa phân phối                                  | 417        |             | 45.864.919.566           | 8.414.936.436            |
| 7.1 <i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>                           | 417.1      |             | 49.156.785.709           | 8.413.173.967            |
| 7.2 <i>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>                    | 417.2      |             | (3.291.866.143)          | 1.762.469                |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |             | <b>1.512.415.822.665</b> | <b>1.152.906.537.252</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

|   | Mã số   | 31/12/2018<br>VND | 31/12/2017<br>VND |                   |
|---|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY</b>   |   |                   |                   |                   |
| 6   | Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)  | 006               | 69.999.510        | 49.999.510        |
| 7   | Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)  | 007               | 490               | 490               |
| 8   | TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty              | 008               | 222.590.000       | 936.340.000       |
| 9   | TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty  | 009               | 8.770.000         | 3.780.000         |
| 10  | TSTC chờ về của Công ty   | 010               | 380.000.000       | 339.000.000       |
| 13  | TSTC được hưởng quyền của Công ty   | 013               | 130.000           | 1.310.000         |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b> |   |                   |                   |                   |
| 1   | TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng                                 | 021               | 3.984.269.800.000 | 2.369.810.080.000 |
| a   | <i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>   | 021.1             | 3.671.652.630.000 | 2.336.623.430.000 |
| b   | <i>TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>   | 021.2             | 206.687.280.000   | 8.903.740.000     |
| c   | <i>TSTC giao dịch cầm cố</i>  | 021.3             | 59.866.560.000    | -                 |
| d   | <i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>  | 021.4             | 70.000            | 70.000            |
| e   | <i>TSTC chờ thanh toán</i>  | 021.5             | 46.063.260.000    | 24.282.840.000    |
| 2   | TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng                                | 022               | 291.292.200.000   | 46.853.320.000    |
| a   | <i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>                              | 022.1             | 193.797.200.000   | 46.283.320.000    |
| b   | <i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>                            | 022.2             | 97.495.000.000    | 570.000.000       |
| 3   | TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng   | 023               | 45.946.400.000    | 29.309.600.000    |
| 6   | TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng   | 025               | 61.836.170.000    | 1.626.780.000     |
| 7   | Tiền gửi của khách hàng   | 026               | 52.098.812.046    | 276.481.747.714   |
| 7.1   | Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý                 | 027               | 52.098.812.046    | 276.481.747.714   |
| 8   | Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý            | 031               | 52.098.812.046    | 276.481.747.714   |
| 8.1   | Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 031.1             | 46.829.340.445    | 270.373.377.764   |
| 8.2   | Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 031.2             | 5.269.471.601     | 6.108.369.950     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2018<br>VND            | 2017<br>VND            |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>  |           |             |                        |                        |
| 1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)                   | 01        |             | 1.625.490.017          | 1.180.663.050          |
| <i>a</i> Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL                             | 01.1      |             | 1.587.964.454          | 998.605.538            |
| <i>b</i> Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL | 01.2      |             | (68.334.675)           | 89.826.432             |
| <i>c</i> Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL       | 01.3      |             | 105.860.238            | 92.231.080             |
| 1.2 Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                          | 02        |             | 10.101.183.633         | 9.157.652.979          |
| 1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu                                  | 03        | 22          | 108.987.333.175        | 74.501.241.872         |
| 1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán  | 06        |             | 51.452.840.902         | 41.792.588.212         |
| 1.9 Doanh thu lưu ký chứng khoán  | 09        |             | 1.094.816.590          | 655.667.266            |
| 1.10 Doanh thu tư vấn   | 10        |             | 250.420.000            | 269.545.455            |
| 1.11 Thu nhập hoạt động khác  | 11        |             | 1.403.802.853          | 897.373.681            |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>   | <b>20</b> |             | <b>174.915.887.170</b> | <b>128.454.732.515</b> |
| <b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>   |           |             |                        |                        |
| 2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL                                    | 21        |             | 1.804.740.069          | 615.130.013            |
| <i>a</i> Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL                              | 21.1      |             | 1.768.546.132          | 604.512.632            |
| <i>b</i> Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL        | 21.2      |             | 36.193.937             | 10.617.381             |
| 2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu                        | 24        | 11(a)       | 2.514.983.386          | 1.021.600.051          |
| 2.6 Chi phí hoạt động tự doanh  | 26        |             | 1.071.016.902          | 878.924.998            |
| 2.7 Chi phí môi giới chứng khoán  | 27        | 23          | 59.582.083.973         | 48.869.141.713         |
| 2.10 Chi phí lưu ký chứng khoán   | 30        |             | 1.825.205.934          | 856.331.907            |
| 2.11 Chi phí nghiệp vụ tư vấn   | 31        |             | 1.076.967.421          | 1.121.348.936          |
| 2.12 Chi phí khác   | 32        | 11(b)       | (180.651.551)          | (230.975.074)          |
| <b>Cộng chi phí hoạt động</b>   | <b>40</b> |             | <b>67.694.346.134</b>  | <b>53.131.502.544</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|  | Mã số      | Thuyết minh | 2018<br>VND           | 2017<br>VND           |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                       |            |             |                       |                       |
| 3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện        | 41         |             | 142.556.053           | 667.432.753           |
| 3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng           | 42         |             | 521.805.438           | 270.369.554           |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>                      | <b>50</b>  |             | <b>664.361.491</b>    | <b>937.802.307</b>    |
| <b>IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>                                    |            |             |                       |                       |
| 4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện         | 51         |             | 7.433.271.705         | 1.398.422.626         |
| 4.2 Chi phí lãi vay  | 52         | 24          | 29.404.933.593        | 25.924.120.523        |
| <b>Cộng chi phí tài chính</b>                                  | <b>60</b>  |             | <b>36.838.205.298</b> | <b>27.322.543.149</b> |
| <b>VI CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>                                      | <b>62</b>  | <b>25</b>   | <b>33.601.713.501</b> | <b>31.988.179.910</b> |
| <b>VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG<br/>(70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)</b> | <b>70</b>  |             | <b>37.445.983.728</b> | <b>16.950.309.219</b> |
| <b>VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>                      |            |             |                       |                       |
| 8.1 Thu nhập khác  | 71         |             | 3.999.402             | 640.121.871           |
| 8.2 Chi phí khác   | 72         |             | -                     | 264.642.211           |
| <b>Cộng kết quả hoạt động khác<br/>(80 = 71 - 72)</b>          | <b>80</b>  |             | <b>3.999.402</b>      | <b>375.479.660</b>    |
| <b>IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN<br/>TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b> | <b>90</b>  |             | <b>37.449.983.130</b> | <b>17.325.788.879</b> |
| 9.1 Lợi nhuận đã thực hiện                                     | 91         |             | 40.743.611.742        | 17.321.479.828        |
| 9.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện                              | 92         |             | (3.293.628.612)       | 4.309.051             |
| <b>X CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>                                     | 100        |             |                       |                       |
| 10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành                               | 100.1      | 26          | -                     | -                     |
| 10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                | 100.2      | 26          | -                     | -                     |
| <b>XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ<br/>TNDN (200 = 90 - 100)</b> | <b>200</b> |             | <b>37.449.983.130</b> | <b>17.325.788.879</b> |
| <b>XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC</b>                             | <b>300</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>XIII THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU</b>                             | <b>500</b> |             |                       |                       |
| 13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                  | 501        | 27          | 729                   | 537                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|   | Mã số     | 2018<br>VND              | 2017<br>VND              |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |           |                          |                          |
| <b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>  | <b>01</b> | <b>37.449.983.130</b>    | <b>17.325.788.879</b>    |
| <b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>   | <b>02</b> | <b>20.410.798.720</b>    | <b>24.091.452.295</b>    |
| Khấu hao và phân bổ   | 03        | 1.900.888.848            | 1.804.481.357            |
| Các khoản dự phòng  | 04        | 2.334.331.835            | 790.624.977              |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện   | 05        | 3.189.100.000            | 74.900.000               |
| Chi phí lãi   | 06        | 29.404.933.593           | 25.924.120.523           |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định   | 07        | -                        | (36.395.455)             |
| Dự thu tiền lãi   | 08        | (16.418.455.556)         | (4.466.279.107)          |
| <b>3 Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>   | <b>10</b> | <b>36.193.937</b>        | <b>10.617.381</b>        |
| Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL   | 11        | 36.193.937               | 10.617.381               |
| <b>4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>   | <b>18</b> | <b>68.334.675</b>        | <b>(89.826.432)</b>      |
| Lỗ/(lãi) từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL   | 19        | 68.334.675               | (89.826.432)             |
| <b>5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)</b> | <b>30</b> | <b>57.965.310.462</b>    | <b>41.338.032.123</b>    |
| Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận theo FVTPL  | 31        | 2.145.793.349            | (4.567.429.450)          |
| Tăng các khoản cho vay  | 33        | (466.950.906.553)        | (151.351.530.990)        |
| Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp   | 37        | 10.161.299.588           | (25.581.620.872)         |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác   | 39        | (134.431.786)            | 43.389.475               |
| Tăng các tài sản khác   | 40        | (2.701.318.690)          | (1.919.536.278)          |
| Tăng chi phí phải trả   | 41        | 2.871.080.030            | 3.010.341.394            |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước   | 42        | (239.311.392)            | 425.460.286              |
| Tiền lãi đã trả   | 44        | (29.354.753.721)         | (25.700.526.378)         |
| Giảm phải trả cho người bán   | 45        | (612.832.558)            | (75.493.967)             |
| Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên   | 46        | 392.500                  | 4.182.300                |
| (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước   | 47        | (90.775.231)             | 422.949.855              |
| Tăng phải trả người lao động  | 48        | 3.627.000                | -                        |
| Tăng các khoản phải trả khác  | 50        | 28.280.855.937           | 12.165.398.056           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>60</b> | <b>(398.655.971.065)</b> | <b>(151.786.384.446)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|  | Mã<br>số   | 2018<br>VND              | 2017<br>VND            |
|--|------------|--------------------------|------------------------|
| <b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                      |            |                          |                        |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                         | 61         | (1.927.098.800)          | (2.374.267.000)        |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                               | 62         | -                        | 36.395.455             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                   | <b>70</b>  | <b>(1.927.098.800)</b>   | <b>(2.337.871.545)</b> |
| <b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                  |            |                          |                        |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                                     | 71         | 200.000.000.000          | 180.000.000.000        |
| Tiền thu từ đi vay ngắn hạn  | 73         | 4.377.415.081.627        | 4.909.147.894.314      |
| Tiền chi trả nợ gốc vay  | 74         | (4.289.764.181.627)      | (4.737.131.794.314)    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                | <b>80</b>  | <b>287.650.900.000</b>   | <b>352.016.100.000</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                             | <b>90</b>  | <b>(112.932.169.865)</b> | <b>197.891.844.009</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                  | <b>101</b> | <b>301.221.015.331</b>   | <b>103.329.171.322</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 7)</b> | <b>103</b> | <b>188.288.845.466</b>   | <b>301.221.015.331</b> |
| ▪ Tiền   | 103.1      | 2.338.977.154            | 180.489.473.202        |
| ▪ Các khoản tương đương tiền                                       | 103.2      | 185.949.868.312          | 120.731.542.129        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | Mã số     | 2018<br>VND              | 2017<br>VND            |
|---|-----------|--------------------------|------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>                   |           |                          |                        |
| Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                                    | 01        | 14.527.477.364.783       | 11.762.440.995.044     |
| Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                                    | 02        | (15.137.731.804.400)     | (12.332.175.897.500)   |
| Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                    | 07        | 20.695.901.512.942       | 18.289.297.778.115     |
| Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                             | 08        | (20.309.173.887.297)     | (17.489.022.930.486)   |
| Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng                                       | 11        | (856.121.696)            | (595.365.551)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>  | <b>20</b> | <b>(224.382.935.668)</b> | <b>229.944.579.622</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>                    | <b>30</b> | <b>276.481.747.714</b>   | <b>46.537.168.092</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>    | <b>40</b> | <b>52.098.812.046</b>    | <b>276.481.747.714</b> |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm   | 41        | 52.098.812.046           | 276.481.747.714        |
| ▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý | 42        | 52.098.812.046           | 276.481.747.714        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|                                      | Số dư đầu năm tại ngày<br>1/1/2017 |                        | Số dư cuối năm tại ngày<br>31/12/2017 |                 | Số dư cuối năm tại ngày<br>31/12/2018 |                          |
|--------------------------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|--------------------------|
|                                      | VND                                | VND                    | Tăng<br>VND                           | (Giảm)<br>VND   | Tăng<br>VND                           | (Giảm)<br>VND            |
| Vốn góp của chủ sở hữu               | 320.000.000.000                    | 320.000.000.000        | -                                     | -               | 320.000.000.000                       | 700.000.000.000          |
| Vốn khác                             | -                                  | 180.000.000.000        | 180.000.000.000                       | -               | 180.000.000.000                       | -                        |
| Cổ phiếu quỹ                         | (1.185.000)                        | (1.185.000)            | -                                     | -               | (1.185.000)                           | (1.185.000)              |
| Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) | (8.910.852.443)                    | 8.414.936.436          | 17.325.788.879                        | -               | 40.743.611.742                        | (3.293.628.612)          |
| Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện          | (6.963.305.861)                    | 8.413.173.967          | 17.321.479.828                        | (1.945.000.000) | 40.743.611.742                        | -                        |
| Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện        | (1.947.546.582)                    | 1.762.469              | 4.309.051                             | 1.945.000.000   | -                                     | (3.293.628.612)          |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>311.087.962.557</b>             | <b>508.413.751.436</b> | <b>197.325.788.879</b>                | <b>-</b>        | <b>420.743.611.742</b>                | <b>(183.293.628.612)</b> |
|                                      |                                    |                        |                                       |                 | <b>508.413.751.436</b>                | <b>745.863.734.566</b>   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

**(a) Cơ sở thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

**(b) Vốn điều lệ của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND (31/12/2017: 320.000.000.000 VND).

**(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(e) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 213 nhân viên (31/12/2017: 180 nhân viên).

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

**(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

**(iv) Cản trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

**(d) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán bằng cách chuyển giao các công cụ vốn đó không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy thì những công cụ này được phản ánh theo giá gốc.

**(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

**Thời gian quá hạn**

**Tỷ lệ trích lập dự phòng**

|   |      |
|---|------|
| Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30%  |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm   | 50%  |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm    | 70%  |
| Từ ba (03) năm trở lên                  | 100% |

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 - 7 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Vốn góp của chủ sở hữu**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

|                                | Trích lập hàng năm    | Số dư tối đa    |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 5% lợi nhuận sau thuế | 10% vốn điều lệ |

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

### (p) Doanh thu

#### (i) *Lãi từ bán các TSTC*

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### (ii) *Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

#### (iii) *Doanh thu môi giới chứng khoán*

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

#### (iv) *Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính*

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày báo cáo. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

#### (v) *Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán*

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

### (q) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

### (r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

### (s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

### (t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

### (u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### (v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## **4. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

#### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

#### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên đều được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

#### **Tài sản đảm bảo**

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

#### **Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|  | 31/12/2018        | 31/12/2017        |
|--|-------------------|-------------------|
|  | VND               | VND               |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i) | 188.285.392.211   | 301.214.095.576   |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i) | 80.000.000.000    | 80.000.000.000    |
| Các khoản cho vay – gộp (ii)                         | 1.175.167.952.987 | 708.217.046.434   |
| Các khoản phải thu (ii)                              | 32.397.517.351    | 15.979.061.795    |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn (ii)                | 1.151.226.550     | 434.451.817       |
| Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)                   | 15.727.015.963    | 25.888.315.551    |
| Các khoản phải thu khác (ii)                         | 12.935.988.148    | 12.801.556.362    |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn                              | 1.888.074.824     | 1.765.122.924     |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán                       | 4.464.116.068     | 2.054.149.278     |
|  | 1.512.017.284.102 | 1.148.353.799.737 |

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

|   | 31/12/2018     | 31/12/2017     |
|---|----------------|----------------|
|   | VND            | VND            |
| Các khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên                   | 12.678.579.927 | 12.678.579.927 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 6 tháng trở lên | 11.479.107.741 | 8.126.553.695  |
|   | 24.157.687.668 | 20.805.133.622 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

|   | 31/12/2018    | 31/12/2017    |
|---|---------------|---------------|
|   | VND           | VND           |
| Tiền gửi tại Công ty                                    | 45.914.455    | 81.204        |
| Chứng khoán niêm yết tại                                | 6.349.815.090 | 5.769.487.800 |
| ▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i> | 1.994.823.990 | 5.043.463.600 |
| ▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>                | 4.091.674.900 | 228.464.200   |
| ▪ <i>Sàn UPCOM</i>                                      | 263.316.200   | 497.560.000   |
| Chứng khoán bị hủy niêm yết                             | 3.224.328.293 | 3.015.003.820 |
|   | 9.620.057.838 | 8.784.572.824 |

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018               | Giá trị<br>ghi sổ<br>VND | Dòng tiền<br>theo hợp đồng<br>VND | Trong vòng<br>1 năm<br>VND | 1 – 2<br>năm<br>VND |
|---|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------|
| Vay ngắn hạn                                | 647.666.000.000          | 658.311.564.432                   | 658.311.564.432            | -                   |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng<br>khoán | 102.621.772.169          | 102.621.772.169                   | 102.621.772.169            | -                   |
| Phải trả người bán                          | 165.722.331              | 165.722.331                       | 165.722.331                | -                   |
| Chi phí phải trả                            | 12.302.295.614           | 12.302.295.614                    | 12.302.295.614             | -                   |
| Các khoản phải trả khác                     | 1.770.410.941            | 1.770.410.941                     | 1.770.410.941              | -                   |
|   | 764.526.201.055          | 775.171.765.487                   | 775.171.765.487            | -                   |

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017               | Giá trị<br>ghi sổ<br>VND | Dòng tiền<br>theo hợp đồng<br>VND | Trong vòng<br>1 năm<br>VND | 1 – 2<br>năm<br>VND |
|---|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------|
| Vay ngắn hạn                                | 556.826.000.000          | 568.183.571.523                   | 568.183.571.523            | -                   |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng<br>khoán | 75.601.100.181           | 75.601.100.181                    | 75.601.100.181             | -                   |
| Phải trả người bán                          | 61.780.156               | 61.780.156                        | 61.780.156                 | -                   |
| Chi phí phải trả                            | 9.381.035.712            | 9.381.035.712                     | 9.381.035.712              | -                   |
| Các khoản phải trả khác                     | 456.319.159              | 456.319.159                       | 456.319.159                | -                   |
|   | 642.326.235.208          | 653.683.806.731                   | 653.683.806.731            | -                   |

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

**Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

|              | 31/12/2018 |                 | 31/12/2017 |                 |
|--------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|              | USD        | Tương đương VND | USD        | Tương đương VND |
| Vay ngắn hạn | 19.650.000 | 456.666.000.000 | 11.600.000 | 263.726.000.000 |

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

|         | Tỷ giá hối đoái tại ngày |            |
|---------|--------------------------|------------|
|         | 31/12/2018               | 31/12/2017 |
| USD/VND | 23.240                   | 22.735     |

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

|  | <b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND</b> |
|--|--|
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>                     |  |
| USD (mạnh thêm 2% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần | (7.306.656.000)                          |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>                     |  |
| USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần | (2.109.808.000)                          |

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|  | Giá trị ghi số    |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 31/12/2018        | 31/12/2017        |
|  | VND               | VND               |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b> |                   |                   |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn            | 80.000.000.000    | 80.000.000.000    |
| Các khoản cho vay                                | 1.169.116.313.346 | 704.680.390.179   |
| Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán                   | 4.464.116.068     | 2.054.149.278     |
| Vay ngắn hạn                                     | (647.666.000.000) | (556.826.000.000) |

**(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

| (e) <b>Giá trị hợp lý</b>  | <b>Giá trị ghi sổ</b> | <b>Giá trị hợp lý</b> | <b>Giá trị ghi sổ</b> | <b>Giá trị hợp lý</b> | <b>Giá trị hợp lý</b> |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau: | <b>31/12/2018</b>     | <b>VND</b>            | <b>31/12/2017</b>     | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| <i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>   |                       |                       |                       |                       |                       |
| ▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL   | 2.574.211.308         |                       | 2.574.211.308         | 4.824.435.208         | 4.824.435.208         |
| • <i>Cổ phiếu niêm yết</i>   | 4.985.282             |                       | 4.985.282             | 5.083.343             | 5.083.343             |
| • <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>  |                       |                       |                       |                       |                       |
| <i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>   |                       |                       |                       |                       |                       |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn   | 80.000.000.000        | (*)                   | 80.000.000.000        | (*)                   | (*)                   |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>  |                       |                       |                       |                       |                       |
| ▪ Tiền và các khoản tương đương tiền   | 188.285.392.211       | (*)                   | 188.285.392.211       | 301.214.095.576       | 301.214.095.576       |
| ▪ Các khoản cho vay  | 1.169.116.313.346     | (*)                   | 704.680.390.179       | 704.680.390.179       | (*)                   |
| ▪ Các khoản phải thu   | 32.397.517.351        | (*)                   | 15.979.061.795        | 15.979.061.795        | (*)                   |
| ▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 1.151.226.550         | (*)                   | 434.451.817           | 434.451.817           | (*)                   |
| ▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp  | 15.727.015.963        | (*)                   | 25.888.315.551        | 25.888.315.551        | (*)                   |
| ▪ Các khoản phải thu khác  | 3.646.298.642         | (*)                   | 3.331.215.305         | 3.331.215.305         | (*)                   |
| ▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn  | 1.888.074.824         | (*)                   | 1.765.122.924         | 1.765.122.924         | (*)                   |
| ▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán   | 4.464.116.068         | (*)                   | 2.054.149.278         | 2.054.149.278         | (*)                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|   | 31/12/2018            | 31/12/2017            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị ghi sổ<br>VND |
|   | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i> |                       |                       |
| ▪ Vay ngắn hạn  | (647.666.000.000)     | (556.826.000.000)     |
| ▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán  | (102.621.772.169)     | (75.601.100.181)      |
| ▪ Phải trả người bán  | (165.722.331)         | (61.780.156)          |
| ▪ Chi phí phải trả  | (12.302.295.614)      | (9.381.035.712)       |
| ▪ Phải trả khác   | (1.770.410.941)       | (456.319.159)         |
|   | (*)                   | (*)                   |
|   | (*)                   | (*)                   |
|   | (*)                   | (*)                   |
|   | (*)                   | (*)                   |
|   | (*)                   | (*)                   |

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | 31/12/2018<br>VND | 31/12/2017<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt                   | 3.453.255         | 6.919.755         |
| Tiền gửi ngân hàng         | 2.335.523.899     | 180.482.553.447   |
| Các khoản tương đương tiền | 185.949.868.312   | 120.731.542.129   |
|                            | 188.288.845.466   | 301.221.015.331   |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 49.800.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2017: 98.080.000.000 VND) (Thuyết minh số 17).

**6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

|                                     | 2018                           |                                 | 2017                           |                                 |
|-------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|                                     | Khối lượng giao dịch thực hiện | Giá trị giao dịch thực hiện VND | Khối lượng giao dịch thực hiện | Giá trị giao dịch thực hiện VND |
| <b>a) Của Công ty</b>               |                                |                                 |                                |                                 |
| Cổ phiếu                            | 2.908.118                      | 112.086.562.529                 | 2.130.173                      | 72.728.546.744                  |
| <b>b) Của nhà đầu tư/khách hàng</b> |                                |                                 |                                |                                 |
| Cổ phiếu                            | 1.509.222.639                  | 29.667.635.175.069              | 1.332.762.473                  | 24.116.168.470.644              |
| Chứng khoán khác                    | 1.286.630                      | 20.920.742.000                  | 344.830                        | 5.058.083.000                   |
|                                     | 1.513.417.387                  | 29.800.642.479.598              | 1.335.237.476                  | 24.193.955.100.388              |

**7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

|                        | 31/12/2018    |                    | 31/12/2017    |                    |
|------------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|
|                        | Giá gốc VND   | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND   | Giá trị hợp lý VND |
| Cổ phiếu niêm yết      | 2.602.077.451 | 2.574.211.308      | 4.747.772.739 | 4.824.435.208      |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 4.985.282     | 4.985.282          | 5.083.343     | 5.083.343          |
|                        | 2.607.062.733 | 2.579.196.590      | 4.752.856.082 | 4.829.518.551      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL

| Số lượng                      | 31/12/2018            |                              | Chênh lệch đánh giá lại trong năm         |   | Giá trị đánh giá lại<br>VND<br>(5) = (1) + (3) - (4) |
|-------------------------------|-----------------------|------------------------------|---|---|--|
|                               | Giá gốc<br>VND<br>(1) | Giá trị hợp lý<br>VND<br>(2) | Chênh lệch tăng<br>VND<br>(3) = (2) - (1) | Chênh lệch giảm<br>VND<br>(4) = (1) - (2) |  |
| <b>Cổ phiếu niêm yết</b>      |                       |                              |   |   |  |
| VNM                           | 2.024                 | 250.963.626                  | -   | 8.083.626                                 | 242.880.000  |
| CTD                           | 3.111                 | 495.939.220                  | 1.820.780                                 | -   | 497.760.000  |
| CTI                           | 20.500                | 490.115.000                  | 5.985.000                                 | -   | 496.100.000  |
| ACB                           | 10.000                | 296.000.000                  | -   | -   | 296.000.000  |
| BID                           | 14.518                | 492.889.452                  | 6.529.748                                 | -   | 499.419.200  |
| VIC                           | 2.540                 | 262.315.586                  | -   | 20.253.586                                | 242.062.000  |
| PLX                           | 4.500                 | 253.800.000                  | -   | 15.300.000                                | 238.500.000  |
| Cổ phiếu khác                 | 3.042                 | 60.054.567                   | 7.156.229                                 | 5.720.688                                 | 61.490.108   |
|                               | 60.235                | 2.602.077.451                | 21.491.757                                | 49.357.900                                | 2.574.211.308  |
| <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b> |                       |                              |   |   |  |
| MCV                           | 134                   | 1.918.500                    | -   | -   | 1.918.500  |
| XMC                           | 132                   | 1.664.800                    | -   | -   | 1.664.800  |
| Cổ phiếu khác                 | 145                   | 1.401.982                    | -   | -   | 1.401.982  |
|                               | 411                   | 4.985.282                    | -   | -   | 4.985.282  |
|                               | 60.646                | 2.607.062.733                | 21.491.757                                | 49.357.900                                | 2.579.196.590  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

|                               | Số lượng | 31/12/2017      |                        | Chênh lệch tăng                     |   | Chênh lệch đánh giá lại trong năm              |               | Giá trị đánh giá lại VND |
|-------------------------------|----------|-----------------|------------------------|-------------------------------------|---|--|---------------|--------------------------|
|                               |          | Giá gốc VND (1) | Giá trị hợp lý VND (2) | Chênh lệch tăng VND (3) = (2) - (1) | Chênh lệch đánh giá lại trong năm VND (4) = (1) - (2) | Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) - (4) |               |                          |
| <b>Cổ phiếu niêm yết</b>      |          |                 |                        |                                     |   |  |               |                          |
| VPB                           | 18.863   | 745.686.090     | 773.383.000            | 27.696.910                          | -   | -  | 773.383.000   |                          |
| MBB                           | 30.209   | 742.194.690     | 767.308.600            | 25.113.910                          | -   | -  | 767.308.600   |                          |
| VIC                           | 9.852    | 742.972.124     | 761.559.600            | 18.587.476                          | -   | -  | 761.559.600   |                          |
| VRE                           | 16.100   | 749.195.000     | 759.115.000            | 9.920.000                           | -   | -  | 759.115.000   |                          |
| ACB                           | 13.700   | 505.530.000     | 505.530.000            | -                                   | -   | -  | 505.530.000   |                          |
| FCN                           | 20.307   | 499.878.856     | 493.460.100            | 36.244                              | 6.455.000   | 6.455.000                                      | 493.460.100   |                          |
| FPT                           | 8.510    | 487.523.552     | 485.921.000            | 65.872                              | 1.668.424   | 1.668.424                                      | 485.921.000   |                          |
| TCM                           | 8.703    | 250.486.422     | 248.470.650            | 9.228                               | 2.025.000   | 2.025.000                                      | 248.470.650   |                          |
| Cổ phiếu khác                 | 1.273    | 24.306.005      | 29.687.258             | 8.396.792                           | 3.015.539   | 3.015.539                                      | 29.687.258    |                          |
|                               | 127.517  | 4.747.772.739   | 4.824.435.208          | 89.826.432                          | 13.163.963  | 13.163.963                                     | 4.824.435.208 |                          |
| <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b> |          |                 |                        |                                     |   |  |               |                          |
| MCV                           | 134      | 1.918.500       | 1.918.500              | -                                   | -   | -  | 1.918.500     |                          |
| XMC                           | 120      | 1.664.800       | 1.664.800              | -                                   | -   | -  | 1.664.800     |                          |
| Cổ phiếu khác                 | 141      | 1.500.043       | 1.500.043              | -                                   | -   | -  | 1.500.043     |                          |
|                               | 395      | 5.083.343       | 5.083.343              | -                                   | -   | -  | 5.083.343     |                          |
|                               | 127.912  | 4.752.856.082   | 4.829.518.551          | 89.826.432                          | 13.163.963  | 13.163.963                                     | 4.829.518.551 |                          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

|  | 31/12/2018     |                          | 31/12/2017     |                          |
|--|----------------|--------------------------|----------------|--------------------------|
|  | Giá gốc<br>VND | Giá trị<br>hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND | Giá trị<br>hợp lý<br>VND |
| Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm | 80.000.000.000 | (*)                      | 80.000.000.000 | (*)                      |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2017: 80.000.000.000 VND) (Thuyết minh số 17).

**(c) Các khoản cho vay**

|   | 31/12/2018        |                          | 31/12/2017      |                          |
|---|-------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
|   | Giá gốc<br>VND    | Giá trị<br>hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND  | Giá trị<br>hợp lý<br>VND |
| Cho vay giao dịch ký quỹ (i)                                    | 1.148.258.560.312 | (*)                      | 649.902.666.879 | (*)                      |
| Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii) | 26.909.392.675    | (*)                      | 58.314.379.555  | (*)                      |
|   | 1.175.167.952.987 | (*)                      | 708.217.046.434 | (*)                      |

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,029% đến 0,039% (31/12/2017: từ 0,029% đến 0,039%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 40% (31/12/2017: 30% - 40%).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất ngày từ 0,029% đến 0,039% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày (31/12/2017: từ 0,029% đến 0,039%).

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

|  | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ | 29.393.206.400                  | 12.806.639.930                  |
| Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn       | 3.004.310.951                   | 3.172.421.865                   |
|  | <hr/>                           | <hr/>                           |
|  | 32.397.517.351                  | 15.979.061.795                  |

**9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|  | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải thu từ thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán | 15.038.637.600                  | 25.475.040.900                  |
| Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán               | 524.410.403                     | 284.816.865                     |
| Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán             | 163.902.263                     | 128.391.453                     |
| Phải thu khác  | 65.697                          | 66.333                          |
|  | <hr/>                           | <hr/>                           |
|  | 15.727.015.963                  | 25.888.315.551                  |

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

|   | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i) | 12.678.579.927                  | 12.678.579.927                  |
| Phải thu khác   | 257.408.221                     | 122.976.435                     |
|   | <hr/>                           | <hr/>                           |
|   | 12.935.988.148                  | 12.801.556.362                  |

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán xảy ra trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Dự phòng cho các khoản tạm ứng này được lập và trình bày trong Thuyết minh số 11(b).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

| (a)         | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính | Tại ngày 31/12/2018 |                            |               |                                  | Dự phòng trích lập trong năm VND |
|-------------|---|---------------------|----------------------------|---------------|----------------------------------|----------------------------------|
|             |   | Giá gốc VND         | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND  | Dự phòng tại ngày 31/12/2017 VND |                                  |
|             | Cho vay giao dịch ký quỹ                    | 11.479.107.741      | 5.427.468.100              | 6.051.639.641 | 3.536.656.255                    | 2.514.983.386                    |
| <b>2017</b> |   |                     |                            |               |                                  |                                  |
|             | Cho vay giao dịch ký quỹ                    | 9.410.708.276       | 5.874.052.021              | 3.536.656.255 | 2.515.056.204                    | 1.021.600.051                    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

(b) Dự phòng phải thu khó đòi  
2018

| Giá gốc<br>VND | Tại ngày 31/12/2018              |                 | Dự phòng<br>tại ngày 31/12/2017<br>VND | Dự phòng hoàn nhập<br>trong năm<br>VND |
|----------------|----------------------------------|-----------------|--|--|
|                | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND |  |  |
| 12.678.579.927 | 3.388.890.421                    | 9.289.689.506   | 9.470.341.057                          | (180.651.551)                          |

Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán

2017

| Giá gốc<br>VND | Tại ngày 31/12/2017              |                 | Dự phòng<br>tại ngày 31/12/2016<br>VND | Dự phòng hoàn nhập<br>trong năm<br>VND |
|----------------|----------------------------------|-----------------|--|--|
|                | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND |  |  |
| 12.678.579.927 | 3.208.238.870                    | 9.470.341.057   | 9.701.316.131                          | (230.975.074)                          |

Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                            | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Bảo trì phần mềm           | 393.824.438                     | 299.397.372                     |
| Chi phí thuê trả trước     | 364.844.035                     | 165.180.201                     |
| Các chi phí trả trước khác | 644.744.986                     | 764.986.829                     |
|                            | 1.403.413.459                   | 1.229.564.402                   |

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

|                            | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Công cụ và dụng cụ         | 1.802.738.222                   | 1.447.933.138                   |
| Các chi phí trả trước khác | 2.252.565.078                   | 2.541.907.827                   |
|                            | 4.055.303.300                   | 3.989.840.965                   |

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

|                   | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|-------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm     | 3.989.840.965             | 4.193.466.474             |
| Tăng trong năm    | 3.160.895.800             | 2.346.531.766             |
| Phân bổ trong năm | (3.095.433.465)           | (2.550.157.275)           |
|                   | 4.055.303.300             | 3.989.840.965             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| <b>2018</b>                   | <b>Nâng cấp<br/>tài sản thuê<br/>VND</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|-------------------------------|--|---------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |  |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 1.734.108.818                            | 20.347.243.912                        | 22.081.352.730      |
| Tăng trong năm                | -  | 1.927.098.800                         | 1.927.098.800       |
| Số dư cuối năm                | 1.734.108.818                            | 22.274.342.712                        | 24.008.451.530      |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |  |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 1.669.241.566                            | 17.599.417.921                        | 19.268.659.487      |
| Khấu hao trong năm            | 64.867.252                               | 796.151.255                           | 861.018.507         |
| Số dư cuối năm                | 1.734.108.818                            | 18.395.569.176                        | 20.129.677.994      |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |  |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 64.867.252                               | 2.747.825.991                         | 2.812.693.243       |
| Số dư cuối năm                | -  | 3.878.773.536                         | 3.878.773.536       |
| <hr/>                         |  |                                       |                     |
| <b>2017</b>                   | <b>Nâng cấp<br/>tài sản thuê<br/>VND</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
| <b>Nguyên giá</b>             |  |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 1.734.108.818                            | 22.952.283.286                        | 24.686.392.104      |
| Tăng trong năm                | -  | 2.374.267.000                         | 2.374.267.000       |
| Thanh lý                      | -  | (104.670.900)                         | (104.670.900)       |
| Xóa sổ                        | -  | (4.874.635.474)                       | (4.874.635.474)     |
| Số dư cuối năm                | 1.734.108.818                            | 20.347.243.912                        | 22.081.352.730      |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |  |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 1.471.653.694                            | 22.120.391.154                        | 23.592.044.848      |
| Khấu hao trong năm            | 197.587.872                              | 458.333.141                           | 655.921.013         |
| Thanh lý                      | -  | (104.670.900)                         | (104.670.900)       |
| Xóa sổ                        | -  | (4.874.635.474)                       | (4.874.635.474)     |
| Số dư cuối năm                | 1.669.241.566                            | 17.599.417.921                        | 19.268.659.487      |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |  |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 262.455.124                              | 831.892.132                           | 1.094.347.256       |
| Số dư cuối năm                | 64.867.252                               | 2.747.825.991                         | 2.812.693.243       |

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 18.547.264.870 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2017: 17.559.325.511 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | <b>2018</b><br><b>Phần mềm</b><br><b>máy vi tính</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>Phần mềm</b><br><b>máy vi tính</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------|--|--|
| <b>Nguyên giá</b>             |  |  |
| Số dư đầu năm                 | 8.161.659.400  | 11.924.839.100   |
| Xóa sổ                        | -  | (3.763.179.700)  |
| Số dư cuối năm                | 8.161.659.400  | 8.161.659.400  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |  |  |
| Số dư đầu năm                 | 3.632.561.489  | 6.247.180.845  |
| Khấu hao trong năm            | 1.039.870.341  | 1.148.560.344  |
| Xóa sổ                        | -  | (3.763.179.700)  |
| Số dư cuối năm                | 4.672.431.830  | 3.632.561.489  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |  |  |
| Số dư đầu năm                 | 4.529.097.911  | 5.677.658.255  |
| Số dư cuối năm                | 3.489.227.570  | 4.529.097.911  |

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 1.305.495.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2017: 915.515.000 VND).

**15. KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN**

|   | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi | 1.888.074.824                   | 1.765.122.924                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

|                                | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán | 4.464.116.068                   | 2.054.149.278                   |

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

|                              | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm                | 2.054.149.278             | 120.000.000               |
| Tiền nộp thêm trong năm      | 2.303.606.256             | 1.928.127.666             |
| Tiền lãi nhận được trong năm | 106.360.534               | 6.021.612                 |
| Số dư cuối năm               | 4.464.116.068             | 2.054.149.278             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**17. VAY NGẮN HẠN**

| Diễn giải  | Lãi suất<br>(năm) | Số dư đầu năm<br>tại ngày<br>1/1/2018<br>VND | Số vay trong năm<br>VND | (Số trả trong năm)<br>VND | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái<br>VND | Số dư cuối năm<br>tại ngày<br>31/12/2018<br>VND |
|--|-------------------|--|-------------------------|---------------------------|--------------------------------------|---|
| <b>Các khoản vay ngắn hạn từ</b>   |                   |  |                         |                           |                                      |   |
| ▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh TP. HCM (i)                      | 7,00%             | -  | 82.000.000.000          | (66.000.000.000)          | -                                    | 16.000.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Chu Lai (i)                              | 5,50%-7,05%       | 50.000.000.000                               | 165.500.000.000         | (175.500.000.000)         | -                                    | 40.000.000.000                                  |
| ▪ BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (i)                                       | 7,80%             | -  | 2.243.389.031.627       | (2.243.389.031.627)       | -                                    | -   |
| ▪ Ngân hàng Indovina Bank – Chi nhánh TP. HCM                                  | 6,80%             | 50.000.000.000                               | 242.800.000.000         | (292.800.000.000)         | -                                    | -   |
| ▪ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Hồng Kông | 3,56%-4,80%       | 102.307.500.000                              | 195.385.000.000         | (251.107.500.000)         | (105.000.000)                        | 46.480.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh TP. HCM                 | 6,40%-8,40%       | 8.100.000.000                                | 374.300.000.000         | (382.400.000.000)         | -                                    | -   |
| ▪ Ngân hàng CTBC – Chi nhánh TP. HCM (i)                                       | 7,00%             | 10.000.000.000                               | 119.000.000.000         | (99.000.000.000)          | -                                    | 30.000.000.000                                  |
| ▪ Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam)                                     | 8,50%             | 70.000.000.000                               | -                       | (70.000.000.000)          | -                                    | -   |
| ▪ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập   | 8,70%             | 35.000.000.000                               | -                       | -                         | -                                    | 35.000.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – Chi nhánh TP. HCM (i)                    | 5,00%-5,20%       | -  | 100.000.000.000         | (80.000.000.000)          | -                                    | 20.000.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng Yuanta Commercial  | 3,70%-4,60%       | 68.205.000.000                               | 139.710.000.000         | (90.954.000.000)          | (761.000.000)                        | 116.200.000.000                                 |
| ▪ Ngân hàng E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (i)                                     | 6,20%-6,90%       | 30.000.000.000                               | 109.200.000.000         | (109.200.000.000)         | -                                    | 30.000.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng Entie Commercial   | 3,94%-4,82%       | 68.205.000.000                               | 115.049.000.000         | (183.186.000.000)         | (68.000.000)                         | -   |
| ▪ Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh TP. HCM  | 5,10%-6,00%       | 20.000.000.000                               | 50.000.000.000          | (70.000.000.000)          | -                                    | -   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

| Diễn giải  | Lãi suất<br>(năm) | Số dư đầu năm<br>tại ngày<br>1/1/2018<br>VND | Số vay trong năm<br>VND | (Số trả trong năm)<br>VND | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái<br>VND | Số dư cuối năm<br>tại ngày<br>31/12/2018<br>VND |
|--|-------------------|--|-------------------------|---------------------------|--------------------------------------|---|
| ▪ Ngân hàng MEGA International Commercial Bank – Trụ sở chính (i)  | 3,16%-4,38%       | 25.008.500.000                               | 51.197.300.000          | (50.461.400.000)          | (180.400.000)                        | 25.564.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.           | 5,90%-8,00%       | 20.000.000.000                               | 60.000.000.000          | (60.000.000.000)          | -                                    | 20.000.000.000                                  |
| ▪ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh TP. HCM            | 3,57%-6,55%       | -  | 30.000.000.000          | (30.000.000.000)          | -                                    | -   |
| ▪ Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Đài Loan                     | 3,35%-3,98%       | -  | 114.025.000.000         | -                         | 2.175.000.000                        | 116.200.000.000                                 |
| ▪ Ngân hàng Chang Hwa – Chi nhánh Hsi-sung                         | 3,44%-4,25%       | -  | 114.025.000.000         | -                         | 2.175.000.000                        | 116.200.000.000                                 |
| ▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài | 4,28%-4,85%       | -  | 71.834.750.000          | (35.766.250.000)          | (46.500.000)                         | 36.022.000.000                                  |
|  |                   | 556.826.000.000                              | 4.377.415.081.627       | (4.289.764.181.627)       | 3.189.100.000                        | 647.666.000.000                                 |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền trị giá 49.800.000.000 VND (31/12/2017: 98.080.000.000 VND) (Thuyết minh số 5) và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (31/12/2017: 80.000.000.000 VND) (Thuyết minh 7(b)).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

|   | <b>31/12/2018</b> | <b>31/12/2017</b> |
|---|-------------------|-------------------|
|   | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 100.833.582.700   | 73.965.882.900    |
| Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán      | 1.788.040.000     | 1.476.090.000     |
| Phải trả khác                                   | 149.469           | 159.127.281       |
|   | 102.621.772.169   | 75.601.100.181    |
|   | 102.621.772.169   | 75.601.100.181    |

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                       | <b>Số dư đầu năm</b> | <b>Số phải nộp</b> | <b>Số khấu trừ/<br/>số đã nộp</b> | <b>Số dư cuối năm</b> |
|-----------------------|----------------------|--------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                       | <b>tại ngày</b>      | <b>trong năm</b>   | <b>trong năm</b>                  | <b>tại ngày</b>       |
|                       | <b>1/1/2018</b>      | <b>VND</b>         | <b>VND</b>                        | <b>31/12/2018</b>     |
|                       | <b>VND</b>           | <b>VND</b>         | <b>VND</b>                        | <b>VND</b>            |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.368.175.990        | 18.018.953.916     | (18.111.820.057)                  | 1.275.309.849         |
| Thuế giá trị gia tăng | 2.454.545            | 49.042.304         | (46.951.394)                      | 4.545.455             |
|                       | 1.370.630.535        | 18.067.996.220     | (18.158.771.451)                  | 1.279.855.304         |
|                       | 1.370.630.535        | 18.067.996.220     | (18.158.771.451)                  | 1.279.855.304         |

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                               | <b>31/12/2018</b> | <b>31/12/2017</b> |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
|                               | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Chi phí cho nhân viên         | 7.121.585.196     | 5.568.818.001     |
| Chi phí lãi                   | 1.278.513.810     | 1.228.333.938     |
| Chi phí giao dịch chứng khoán | 968.216.888       | 868.926.342       |
| Phí tư vấn                    | 122.473.362       | 143.892.575       |
| Các chi phí khác              | 2.811.506.358     | 1.571.064.856     |
|                               | 12.302.295.614    | 9.381.035.712     |
|                               | 12.302.295.614    | 9.381.035.712     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

|   | <b>31/12/2018</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2017</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Các khoản phải trả cho khách hàng       | 1.630.509.000                   | 38.514.518                      |
| Các khoản phải trả cho đầu giá cổ phiếu | -                               | 282.900.000                     |
| Các khoản phải trả khác                 | 139.901.941                     | 134.904.641                     |
|   | <hr/>                           | <hr/>                           |
|   | 1.770.410.941                   | 456.319.159                     |

**22. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU**

|   | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ                                   | 105.080.358.646           | 71.378.719.571            |
| Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán | 3.906.974.529             | 3.122.522.301             |
|   | <hr/>                     | <hr/>                     |
|   | 108.987.333.175           | 74.501.241.872            |

**23. CHI PHÍ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**

|                                 | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lương cho nhân viên     | 22.962.317.326            | 17.187.228.828            |
| Hoa hồng cho nhân viên môi giới | 16.780.026.538            | 14.115.763.515            |
| Phí môi giới chứng khoán        | 8.857.146.944             | 7.204.396.135             |
| Chi phí thuê                    | 5.257.345.011             | 5.703.542.876             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài       | 3.629.889.925             | 2.846.574.042             |
| Chi phí công cụ và dụng cụ      | 688.598.892               | 367.177.557               |
| Khấu hao tài sản cố định        | 64.867.252                | 210.357.064               |
| Chi phí khác                    | 1.341.892.085             | 1.234.101.696             |
|                                 | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                                 | 59.582.083.973            | 48.869.141.713            |

**24. CHI PHÍ LÃI**

|   | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay   | 29.059.348.497            | 25.750.222.841            |
| Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán | 345.585.096               | 173.897.682               |
|   | <hr/>                     | <hr/>                     |
|   | 29.404.933.593            | 25.924.120.523            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ**

|                             | 2018<br>VND    | 2017<br>VND    |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí lương cho nhân viên | 15.888.224.538 | 15.211.339.498 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 10.235.540.332 | 10.029.432.173 |
| Chi phí thuê                | 2.625.294.912  | 2.456.312.058  |
| Khấu hao tài sản cố định    | 1.836.021.596  | 1.594.124.293  |
| Chi phí công cụ và dụng cụ  | 832.040.281    | 696.957.624    |
| Thuế, phí và lệ phí         | 57.900.076     | 278.604.767    |
| Chi phí khác                | 2.126.691.766  | 1.721.409.497  |
|                             | 33.601.713.501 | 31.988.179.910 |

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                      | 2018<br>VND     | 2017<br>VND     |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế         | 37.449.983.130  | 17.325.788.879  |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 7.489.996.626   | 3.465.157.776   |
| Chi phí không được khấu trừ thuế     | 136.874.012     | 68.579.200      |
| Thu nhập không bị tính thuế          | (21.172.048)    | (18.446.216)    |
| Lỗ tính thuế được sử dụng            | (7.605.698.590) | (3.515.290.760) |
|                                      | -               | -               |

**(b) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**(c) Lỗ tính thuế**

| Năm hết hiệu lực | Tình hình quyết toán | Thuyết minh          | 31/12/2018<br>Lỗ tính thuế<br>được khấu trừ<br>VND |
|------------------|----------------------|----------------------|--|
| 2020             | Chưa quyết toán      | Chuyển từ PHS và ATS | 192.201.075  |
| 2021             | Chưa quyết toán      |                      | 6.735.895.185                                      |
|                  |                      |                      | 6.928.096.260                                      |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 37.449.983.130 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: lãi thuộc về cổ đông phổ thông là 17.325.788.879 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 51.395.265 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 32.246.085 cổ phiếu), được tính như sau:

*(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

|                           | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 37.449.983.130            | 17.325.788.879            |

*(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

|   | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm                    | 49.999.510                | 31.999.510                |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm       | 1.395.755                 | 246.575                   |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm | 51.395.265                | 32.246.085                |

*(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

|                          | <b>2018</b><br><b>VND</b> | <b>2017</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 729                       | 537                       |

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào tại ngày báo cáo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**28. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|   | Giá trị giao dịch |                 |
|---|-------------------|-----------------|
|   | 2018<br>VND       | 2017<br>VND     |
| <b>Dong Bang Development Limited - cổ đông lớn</b>                  |                   |                 |
| Nhận vốn góp  | 19.440.000.000    | 48.600.000.000  |
| Phí lưu ký chứng khoán  | 8.164.800         | -               |
| <b>Freshfields Capital Corporation - cổ đông lớn</b>                |                   |                 |
| Nhận vốn góp  | 19.440.000.000    | 48.600.000.000  |
| Phí lưu ký chứng khoán  | 8.164.800         | -               |
| <b>Phu Hung Far East Holding Corporation - cổ đông lớn</b>          |                   |                 |
| Nhận vốn góp  | 92.000.000.000    | 82.800.000.000  |
| <b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái - cổ đông lớn</b>             |                   |                 |
| Phí lưu ký chứng khoán  | 9.690.000         | -               |
| Nhận vốn góp  | 57.807.230.000    | -               |
| Chi phí lãi   | 4.708             | -               |
| <b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Thịnh - cổ đông lớn</b>           |                   |                 |
| Phí lưu ký chứng khoán  | 10.082.408        | -               |
| Nhận vốn góp  | 8.805.550.000     | -               |
| <b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập - cổ đông</b>                 |                   |                 |
| Vay   | -                 | 5.000.000.000   |
| Phí lưu ký chứng khoán  | 2.615.420         | -               |
| Chi phí lãi   | 3.087.313.151     | 2.649.897.262   |
| Phí tư vấn  | 48.250.000        | 60.000.000      |
| <b>Công ty Cổ phần CX Technology (Việt Nam) – công ty liên quan</b> |                   |                 |
| Vay   | -                 | 135.000.000.000 |
| Thanh toán tiền vay   | 70.000.000.000    | 65.000.000.000  |
| Chi phí lãi   | 165.277.778       | 3.332.708.333   |
| Phí chuyển nhượng cổ phần   | 35.955.582        | -               |
| <b>Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt</b>                  |                   |                 |
| Lương và các khoản phụ cấp  | 2.422.532.000     | 2.294.215.190   |

**29. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | 31/12/2018<br>VND | 31/12/2017<br>VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm | 8.892.835.300     | 6.026.861.356     |
| Từ hai đến năm năm | 10.854.964.583    | 9.641.319.414     |
|                    | 19.747.799.883    | 15.668.180.770    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

|   | Mã số     | Môi giới chứng khoán VND | Tự doanh chứng khoán VND | Kinh doanh nguồn vốn VND | Các bộ phận khác VND | Tổng VND              |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>2018</b>   |           |                          |                          |                          |                      |                       |
| 1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh  | 01        | 51.678.221.666           | 1.625.490.017            | 120.138.349.282          | 2.138.187.696        | 175.580.248.661       |
| 2. Chi phí trực tiếp  | 02        | 54.960.439.304           | 2.873.325.241            | 73.488.205.314           | 2.540.880.454        | 133.862.850.313       |
| 3. Chi phí khấu hao và phân bổ  | 03        | 64.867.252               | -                        | 1.836.021.596            | -                    | 1.900.888.848         |
| 4. Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư   | 04        | -                        | 36.193.937               | -                        | -                    | 36.193.937            |
| 5. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi  | 05        | -                        | -                        | 2.334.331.835            | -                    | 2.334.331.835         |
| 6. Thu nhập khác  | 06        | -                        | -                        | -                        | 3.999.402            | 3.999.402             |
| <b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b><br><b>(07 = 01 + 06 - 02 - 03 - 04 - 05)</b> | <b>07</b> | <b>(3.347.084.890)</b>   | <b>(1.284.029.161)</b>   | <b>42.479.790.537</b>    | <b>(398.693.356)</b> | <b>37.449.983.130</b> |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>  |           |                          |                          |                          |                      |                       |
| Tài sản bộ phận   |           | 20.214.851.454           | 2.589.329.286            | 1.489.050.576.226        | 561.065.699          | 1.512.415.822.665     |
| Nợ phải trả bộ phận   |           | 11.975.112.207           | 1.972.431.309            | 750.092.677.277          | 2.511.867.306        | 766.552.088.099       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

| Mã số                                     | Môi giới<br>chứng khoán<br>VND | Tự doanh<br>chứng khoán<br>VND | Kinh doanh<br>nguồn vốn<br>VND | Các bộ phận khác<br>VND | Tổng<br>VND           |
|---|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| 01  | 41.893.680.261                 | 1.180.663.050                  | 84.679.540.238                 | 1.638.651.273           | 129.392.534.822       |
| 02  | 43.516.816.069                 | 1.505.892.883                  | 63.100.915.595                 | 1.977.519.552           | 110.101.144.099       |
| 03  | 210.357.064                    | -                              | 1.594.124.293                  | -                       | 1.804.481.357         |
| 04  | -                              | 10.617.381                     | -                              | -                       | 10.617.381            |
| 05  | -                              | -                              | 790.624.977                    | -                       | 790.624.977           |
| 06  | -                              | -                              | -                              | 640.121.871             | 640.121.871           |
| <b>07</b>                                 | <b>(1.833.492.872)</b>         | <b>(335.847.214)</b>           | <b>19.193.875.373</b>          | <b>301.253.592</b>      | <b>17.325.788.879</b> |
| <b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>          |                                |                                |                                |                         |                       |
| <b>(07 = 01 + 06 - 02 - 03 - 04 - 05)</b> |                                |                                |                                |                         |                       |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>      |                                |                                |                                |                         |                       |
| Tài sản bộ phận                           | 27.878.130.414                 | 4.833.636.701                  | 1.119.888.709.532              | 306.060.605             | 1.152.906.537.252     |
| Nợ phải trả bộ phận                       | 5.937.724.251                  | 129.556.176                    | 637.318.349.804                | 1.107.155.585           | 644.492.785.816       |

**(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



**CHEN CHIA KEN**  
**Tổng Giám đốc**



